

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC HÓA CHẤT VẬT TƯ**

**BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC**

(Theo Quyết định số: 1066/QĐ-BVAG ngày 01/9/2020 của B

TT	Mã số (Theo HSMT)	TT04	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Hạn dùng (tháng)	SDK / GPNK / TKHQ	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đóng gói
1	VT0932		Acid etching	Actino gel	12	4982NK/BY T-TB-CT	Prevest	Ấn Độ	Chai / 5 ml
2	XN069.011		AFP	0025252 AFP	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100Test
3	XN069.027		AFP CALIBRATOR	0020352 AFP CALIBRATOR	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1mLx4
4	VT0001		Airway các số	Airway size 0, 1, 2, 3, 4	60	170000022/P CBA-HCM	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Hộp/50 cái
5	XN013.002		Albumin	ALBUMIN	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ- CP	Chema Diagnosti ca Di Marco Fiore	Ý	3 lọ 56ml trong hộp thuốc (8x56ml)
6	XN013.003		ALT	ALT	18	14569NK/BY T-TB-CT	Medicon Hellas	Hy Lạp	4X50 mL + 4X12,5 mL
7	HCC134		Anti A	Anti-A	24	4244/QĐ- BYT	Spectrum Diagnosti cs	Ai Cập	Lọ 10 ml
8	HCC136		Anti AB	Anti-AB	24	4244/QĐ- BYT	Spectrum Diagnosti cs	Ai Cập	Lọ 10 ml
9	HCC138		Anti B	Anti-B	24	4244/QĐ- BYT	Spectrum Diagnosti cs	Ai Cập	Lọ 10 ml
10	HCC140		Anti D	Anti-D	24	4244/QĐ- BYT	Spectrum Diagnosti cs	Ai Cập	Lọ 10 ml
11	SP005		Anti HBs	HBsAb One Step Hepatitis B Surface Antibody Test (4mm)	24	SPCĐ-TTB- 0054-14	Abon	Trung Quốc	50 test/hộp
12	SP008		Anti HCV (kiểm chứng)	HCV Hepatitis C Virus Rapid Test Device	24	SPCĐ-TTB- 0218-16	Abon	Trung Quốc	40 test/hộp
13	XN044.001		APTT	TECLOT APTT-S	24	1	Teco Medical Instrume nts	Đức	Lọ 5ml
14	HCC144		ASO	ASLO-Latex	12	Số TKHQ: 10274097806 0	Linear Chemical s	Tây Ban Nha	Hộp 100 Tests

15	XN013.004		AST	GOT/AST FL IFCC	24	4608NK ; ND: 03/2020/ND-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	4 lọ R1:40ml; 1 lọ R2:40ml trong hộp (8x50ml)
16	VT0012		Băng bột bó 10cm x 2,7m	PLASTER OF PARIS BANDAGE 10CM*2.7M	36	TKHQ 102821849800	Anji Hongde	Trung Quốc	Túi 1 cuộn
17	VT0014		Băng bột bó 15cm x 2,7m	PLASTER OF PARIS BANDAGE 15CM*2.7M	36	TKHQ 102821849800	Anji Hongde	Trung Quốc	Túi 1 cuộn
18	VT0016		Băng bột bó 7,5cm x 2,7m	Băng bột bó thạch cao 7,5cm x 2,7m	60	180000021/P CBA-NA	Jiangsu Senolo Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Túi 1 cuộn
19	VT0022		Băng cá nhân	Băng dính cá nhân 20mm x 60mm	60	180001483/P CBA-HCM	Zhejiang Bangli	Trung Quốc	Hộp 100 miếng
20	VT0023		Băng cá nhân 3M (trung dương)	Băng cá nhân Goodgo	36	PTN SỐ: 170002610/P CBA-HN ngày 4/12/2017	Công ty CP Dược Phẩm và TBYT An Phú	Việt Nam	Hộp 100 miếng
21	VT0024		Băng cố định kim truyền bằng phim trong 1624W	Băng dính vô trùng không thấm nước, có gạc, cố định kim luồn DECOMED, kích thước 60x70 mm	36	180001058/P CBA-HCM	USM Healthcare	Việt Nam	100 miếng / hộp
22	VT0026		Băng dán cố định kim luồn (30um 5x7cm)	Băng dán cố định kim luồn 5 x 7	60	101472210930	Zhejiang Bangli Medical Products Co., Ltd	Trung Quốc	100 miếng/ hộp
23	VT0031		Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc, size 300x90 mm	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc DECOMED, kích thước 300x90 mm	36	180001195/P CBA-HCM	USM Healthcare	Việt Nam	25 miếng / hộp
24	VT0037		Băng keo có gạc vô trùng 9 x 15cm, hộp 40 miếng	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc DECOMED, kích thước 150x90mm	36	180001195/P CBA-HCM	USM Healthcare	Việt Nam	25 miếng / hộp
25	VT0038		Băng keo có gạc vô trùng 9 x 15cm, hộp 50 miếng	Clivex Sterile Non woven Wound Dressing 9cm x 15cm	36	TKHQ 102142811260	Honnes	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 25 miếng
26	VT0039		Băng keo có gạc vô trùng 9 x 20cm	Clivex Sterile Non woven Wound Dressing 9cm x 20cm	36	TKHQ 101969631962	Honnes	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 25 miếng
27	VT0040		Băng keo có gạc vô trùng 9 x 25cm	Clivex Sterile Non woven Wound Dressing 9cm x 25cm	36	TKHQ 102142811260	Honnes	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 25 miếng

28	VT0041		Băng keo có gạc vô trùng 9 x 5cm	Băng keo có gạc vô trùng 6cm x 9cm	60	180001843/P CPA-HCM	Rays	Ý	Gói/ 1 miếng
29	VT1180		Băng keo có gạc vô trùng dres 9 x 30cm	Clivex Sterile Non woven Wound Dressing 9cm x 30cm	36	TKHQ 10214281126 0	Honnes	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp 25 miếng
30	VT0047		Băng keo lụa 1,25cm x 5m	Băng dính cuộn vải lụa y tế Ugotana 1,25cmx5m	36	180000122/P CBA-HCM	Tanaphar	Việt Nam	1 cuộn /hộp
31	VT0048		Băng keo lụa 2,5cm x 5m	Băng keo lụa 2.5cm x 5m	60	170000609/P CBA-HCM	Zhejiang Bangli	Trung Quốc	Hộp 1 cuộn
32	VT0049		Băng keo lụa 5cm x 5m	Urgosyval 5cm x 5m	48	170000366/P CBA-HCM	Urgo Healthcare	Thái Lan	Hộp 1 cuộn
33	VT0050		Băng keo lụa cuộn 2.5cm x 5m	Băng dính lụa 2,5cm x 5m	60	180000019/P CBA-NA	Zhejiang Bangli Medical Products Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 1 cuộn
34	VT0051		Băng keo thun co giãn 10cm x 4,5m	Elastic Adhesive Bandage size 10x4.5	36	TKHQ 10311347330 0	Jinhua Jingdi	Trung Quốc	Túi 1 cuộn
35	VT0053		Băng thun 2 móc	Băng thun 2 móc	60	180000021/P CBA-NA	Jiangsu Senolo Medical Technology Co., Ltd	Trung Quốc	Gói 1 cái
36	VT0054		Băng thun 3 móc	ELASTIC BANDAGE 10cm* 4.5m, 3 clips	36	TKHQ 10282184980 0	Anji Hongde	Trung Quốc	Túi 1 cuộn
37	VT0059		Băng vải mềm cố định kim truyền 6x8mm	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc, cố định kim luồn DECOMED, kích thước 60x80mm	36	180001020/P CBA-HCM	USM Healthcare	Việt Nam	50 miếng /hộp
38	YC016		Bao + ruột huyết áp dùng cho máy monitoring	Bao + ruột huyết áp dùng cho máy monitor	24		Lontek	Trung Quốc	Gói 1 cái
39	YC013		Bao + ruột máy huyết áp người lớn	Bao vải có túi hơi	24	170002477/P CBA-HCM	Ningbo greetmed	Trung Quốc	Gói/1 cái
40	VT0005		Bao Camera nội soi	Bao Camera nội soi	36	180000526/P CBA-HCM	Nhật Minh	Việt Nam	Cái/bọc
41	VT0007		Bao dây đốt điện	Bao dây đốt nội soi	36	180000526/P CBA-HCM	Nhật Minh	Việt Nam	Cái/bọc
42	VT0009		Bao giấy phòng sạch	GIAY Y TE TT	60	180000397/P CBA-HCM	Bạch Tuyết	Việt Nam	50 đôi/bao
43	YC518		Bao máy đo huyết áp tự động OMRON	Bao đo huyết áp tự động MEDIUM CUFF HEM- CR24	24	TKHQ 10183773085 1	OMRON	Trung Quốc	Hộp/ 1 Cái
44	VT0010		Bao tóc	Nón y tế ( không tiệt trùng)	36	170002342/P CBA-HCM	Hưng Phát	Việt Nam	g/100 cái
45	XN069.022		BHCGII	0025220 Beta-HCGII	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100Test

46	XN069.038		BHCGII CALIBRATOR	0025320 Beta-HCGII CALIBRATOR	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1mLx12
47	YC025		Bình kèm inox cao các cỡ 14cm - 25cm	Bình cầm pen Inox	36	190000004/P CBA-BĐ	Kiến tạo	Việt Nam	Bọc 1 cái
48	YC028		Bình làm ấm Oxy	Bình làm ấm oxy	24		Yu Yao Hairui Medical Device Co.,Ltd	Trung Quốc	Gói 1 cái
49	SP057		Bioline H.pylori	One Step H.Pylori Test (Cassette)	24	SPCD-TTB-0058-14	Abon	Trung Quốc	40 test/hộp
50	SP056		Bioline Syphilis 3.0	Citest® Syphilis	24		Citest	Canada	Hộp 50 test
51	XN069.002		BNP	0025228 BNP	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100Test
52	XN069.005		BNP CALIBRATOR	0025328 BNP CALIBRATOR	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1 ml x 12
53	XN069.007		BNP CONTROL SET	0025428 BNP CONTROL SET	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	2set*2level
54	VT0080		Bộ dây dẫn lưu màng phổi	Ống dẫn lưu màng phổi	60		Angioplast	Ấn Độ	Hộp 25 cái
55	VT0087		Bộ dây máy gây mê cao tần, dây gọn sóng, dùng một lần, dùng cho người lớn	DAY GAY ME CAO TAN, DAY GON SONG NL	36	10308174414 2	Plasti-med	Thổ Nhĩ Kỳ	Gói 1 cái
56	VT0088		Bộ dây máy gây mê cao tần, dây gọn sóng, dùng một lần, dùng cho trẻ em	DAY GAY ME CAO TAN, DAY GON SONG TE	36	10308174414 2	Plasti-med	Thổ Nhĩ Kỳ	Gói 1 cái
57	VT0090		Bộ dây máy thở 2 nhánh (người lớn)	Bộ dây máy thở 2 nhánh (người lớn loại co giãn)	36	TKHQ số 103056261710	Zhejiang Haisheng	Trung Quốc	01 cái/ gói
58	YC037		Bo điện tim	Bo điện tim	36		Greetmed	Trung Quốc	Cái
59	VS013		Bộ hồng cầu mẫu	HONG CAU MAU	1		Viện HHTMT W	Việt Nam	3*10ml
60	VT0060		Bo hút nhót trẻ em	Bo hút nhót	24		Ningbo Greetmed	Trung Quốc	Gói 1 cái
61	VT0101		Bộ khăn nội soi ổ bụng	Bộ khăn nội soi ổ bụng	36	200000020/P CBA-ĐN	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Hạnh Minh	Việt Nam	12 bộ/thùng
62	VT0102		Bộ khăn phẫu thuật tổng quát	Bộ khăn tổng quát SMS C	36	200000476/PCBA-HCM	Viên Phát	Việt Nam	Hộp/8
63	YC038		Bo máy huyết áp	Bo máy huyết áp	36		Greetmed	Trung Quốc	Cái
64	VS014		Bộ nhuộm Gram	MELAB- Color Gram Set (Bộ nhuộm Gram)	12	180000005/P CBA-VP	Lavitec	Việt Nam	Bộ 4 x 100ml
65	VT0110		Bộ phun khí dung người lớn, trẻ em	MẶT NẠ THỞ OXY BỘ KHÍ DUNG MPV	60	84/2016/BYT-TB-CT	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	Túi 1 bộ x 100 túi / kiện

66	VT0130		Bơm tiêm 10ml 23Gx1"	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	36	35/2017/BYT-TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp/100
67	VT0131		Bơm tiêm 10ml 25Gx1"	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml/cc 25Gx1", VIKIMCO	36	35/2017/BYT-TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp/100
68	VT0133		Bơm tiêm 1ml 26Gx1/2"	Bơm tiêm 1ml 26Gx1/2"	24		MPV	Việt Nam	Hộp 100 cái
69	VT0134		Bơm tiêm 20ml 23Gx1"	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	36	35/2017/BYT-TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp/50
70	VT0135		Bơm tiêm 3ml 23Gx1"	Bơm tiêm 3ml 23Gx1"	24		MPV	Việt Nam	Hộp 100 cái
71	VT0136		Bơm tiêm 3ml 25Gx1"	Bơm tiêm 3ml 25Gx1"	24		MPV	Việt Nam	Hộp 100 cái
72	VT0137		Bơm tiêm 3ml 25Gx5/8"	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3ml/cc 25Gx5/8", VIKIMCO	36	35/2017/BYT-TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp/100
73	VT0139		Bơm tiêm 50ml có luer lock cho máy bơm tiêm điện thùng 50 cái	Ống tiêm 50cc, kim 23G 1', Luer lock	60	170000032/P CBA-HCM	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Hộp/ 25 cái
74	VT0140		Bơm tiêm 50ml đầu lớn (cho ăn)	BƠM CHO ĂN MPV 50ml	60	170000006/P CBA-NB	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	Hộp 25 cái x 16h/ kiện
75	VT0141		Bơm tiêm 50ml đầu nhỏ	BƠM TIÊM MPV 50ml	60	08/2017/BYT-TB-CT	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	Hộp 25 cái x 16h/ kiện
76	VT0143		Bơm tiêm 50ml lệch tâm luer slip phủ silicone dùng cho máy bơm tiêm điện	NIPRO SYRINGE 50ML eccentric luer slip w/o needle	60	03.02/IVA/3446/2019	PT. Nipro Indonesia Jaya	Indonesia	Hộp 50 cái
77	VT0144		Bơm tiêm 50ml luer lock phủ silicone dùng cho máy bơm tiêm điện	Bơm tiêm 50ml có khoá	36		Jinliyuan	Trung Quốc	Gói / Cái
78	VT0145		Bơm tiêm 5ml 23Gx1"	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml/cc, kim các cỡ, ép vi, VIKIMCO	36	35/2017/BYT-TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp/100
79	VT0146		Bơm tiêm 5ml 25Gx1"	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml/cc 25Gx1", ép vi, VIKIMCO	36	35/2017/BYT-TB-CT	Công ty CP Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp/100

80	VT0149		Bơm tiêm insulin 1ml x kim 30G	DISPOSABLE INSULIN SYRINGE 1ml 30G x 1/2" (0,3x12mm)	36	TKHQ 103059355820	AnHui	Trung Quốc	Hộp 100 cây
81	VT0151		Bơm tiêm thuốc cân quang	Bơm tiêm thuốc cân quang Model: 100108; Model: 100102; Model: 100113; Model: 100114; Model: 100118; Model: 100120; Model: 100122; Model: 300101; Model: 300103; Model: 300108	36	102553761440	Baoan	Trung Quốc	Gói/ 1 Cái
82	VT0152		Bơm tiêm thuốc cân quang 100ml	Bơm tiêm thuốc cân quang 100ml dùng cho máy CT-Scanner	36	102413935850	Shunmei Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Túi 1 cái
83	YC080		Bồn hạt đậu 20cm	BON HAT DAU 400ML	60		TMT	Việt Nam	Cái
84	VT0939		Bonding (keo dán)	Bonding	24		3M	Mỹ	Lọ 6g
85	YC045		Bóng đèn máy sinh hóa A.15-Biosystems	BONG DEN SINH HOA A15	60		Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1 cái
86	YC060		Bóng gây mê các cỡ	Bóng gây mê các cỡ	24		Greetmed	Trung Quốc	Bọc 1 cái
87	VT0068		Bóng giúp thở, Latex - free, 0.5L	Bóng giúp thở 0,5L VENTKING™	36	15/2017/BYT-TB-CT	USM Healthcare	Việt Nam	1 cái/túi
88	VT0069		Bóng giúp thở, Latex - free, 1L	Bóng giúp thở 1L	24		Galemed	Đài Loan	Gói 1 cái
89	VT0070		Bóng giúp thở, Latex - free, 2L	Bóng mê các cỡ, Latex-free (2L)	60	103240024160	Suzhou Tianping Huachang Medical Instrument Co., Ltd.	Trung Quốc	Túi 1 cái
90	VT0072		Bóng nong 3 lít (Balloon 3 lít)	Balloons 3 lít	25	102192501230	Unomedical (Convatec)	Mexico, Mỹ	1c/ gói
91	VT0120		Bông y tế không thấm nước gói 1 kg	BONG MO 1KG M1	36	180000394/P CBA-HCM	Bạch Tuyết	Việt Nam	Thùng 12 gói/kg
92	VT0121		Bông y tế thấm nước gói 1kg	Bông y tế Quick Nurse 1kg	36	29/2017/BYT-TB-CT	Yahon	Việt Nam	Thùng / 12 gói
93	YC063		Bóp bóng người lớn (Ampu lớn), trẻ em các cỡ	Bóp bóng người lớn (Ampu lớn), trẻ em các cỡ	24		Greetmed	Trung Quốc	Gói 1 bộ
94	YC064		Bóp bóng sơ sinh	Bóp bóng sơ sinh	24		Greetmed	Trung Quốc	Bọc 1 cái
95	VT0942		Bột hydroxyde Calcium	Bột hydroxyde Calcium	24		Prevest	Ấn Độ	Lọ 20g

96	XN044.002		CaCl2	CaCl2	12	1	Teco Medical Instruments	Đức	5ml
97	XN013.005		Calcium Arsenazo	CALCIUM ASX	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	1.5 hộp (2x50ml)
98	VT0952		Camphenol	Camphenol	12	4982NK/BYT-TB-CT	Prevest	Án Độ	Chai/15ml
99	YC086		Cân sức khỏe 120kg có kiểm định	Cân sức khỏe 120kg	36	TCCS 10:2016/NH	Nhon Hòa	Việt Nam	Hộp/1 cái
100	YC088		Cân thước đo có kiểm định	Cân có thước đo	36	170001510/P CBA-HCM	Ningbo greetmed	Trung Quốc	Bộ/1 cây
101	VT0179		Cây đặt nội khí quản khó Bougie	Que dẫn đường cho nội khí quản (Bougie)	24		Flexicare	Anh	Hộp 10 cái
102	VT0180		Cây đê lưỡi gỗ tiết trùng	Que đê lưỡi gỗ tiết trùng	36	180000507/P CBA-HN	Tanaphar	Việt Nam	100 cây / hộp
103	YC090		Cây đuôi chôn rửa dụng cụ nội soi	Chổi vệ sinh dụng cụ nội soi tương thích với hệ thống nội soi Karl Storz	24		Karl Storz	Đức	Gói 1 cái
104	YC093		Cây treo dịch truyền	Cây treo dịch truyền	24		Hoa Linh	Việt Nam	Cái
105	XN035.001		CBC-3D Hematology Control	R&D CBC-3D Hematology Control	3	103171805920	R&D Systems	Mỹ, Không	Hộp 3x3ml
106	XN069.012		CEA	0025254 CEA	12	12050NK/BYT-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100Test
107	XN069.028		CEA CALIBRATOR	0020354 CEA CALIBRATOR	12	12050NK/BYT-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1mLx4
108	VT0951		Ceivitron	Ceivitron	24		Reco dent	Đài Loan	Lọ 30g
109	XN041.001		Cell Clean (CL-50)	Diatro*Hypociean SYS	24	190000002/P CBA-HP	Diatron	Hungary, Không	Chai 100ml
110	XN041.002		CELLPACK	Diatro*Dil SYS	24	190000002/P CBA-HP	Diatron	Hungary, Không	Thùng 20 lít
111	XN035.002		CFL Lyse 0,5 L (M30)	Diatro*Lyse-Diff MN	24	190000002/P CBA-HP	Diatron	Hungary, không	Chai 1000ml
112	VT0206		Chi khâu Chromic 1/O + kim tròn (75cm, 26mm, 1/2 C)	Chi Catgut Chromic số 1	60	102095081210	Huaian Top Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 12 tệp
113	VT0207		Chi khâu Chromic 2/O + kim tròn (75cm, 26mm, 1/2 C)	Chi Catgut Chromic số 2/0	60	102095081210	Huaian Top Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 12 tệp
114	VT0209		Chi khâu Chromic 3/O + kim tam giác (75cm, 26mm, 1/2 C)	Chi Catgut Chromic số 3/0	60	102095081210	Huaian Top Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 12 tệp

115	VT0210		Chi khâu Chromic 3/O + kim tròn (75cm, 26mm, 1/2 C)	Chi Catgut Chromic số 3/0	60	102095081210	Huaian Top Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 12 tệp
116	VT0229		Chi khâu Nylon 10/O + kim tam giác	Chi Carelon (Nylon) số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm, M02HH06L30	12	18/2017/BYT-TB-CT	CPT	Việt Nam	H / 12 tệp
117	VT0230		Chi khâu Nylon 2/O + kim tam giác	Chi Nylon số 2/0	60	102565415740	Huaian Top Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 12 tệp
118	VT0231		Chi khâu Nylon 3/O + kim tam giác	Chi Nylon số 3/0	60	102565415740	Huaian Top Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 12 tệp
119	VT0232		Chi khâu Nylon 4/O + kim tam giác	Chi Nylon số 4/0	60	102565415740	Huaian Top Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 12 tệp
120	VT0233		Chi khâu Nylon 5/O + kim tam giác	Chi Nylon số 5/0	60	102565415740	Huaian Top Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 12 tệp
121	VT0236		Chi khâu Plain catgut 2.0 + kim tròn (75cm, 26mm, 1/2C)	Plain Catgut 3.5(2/0)75cm 1/2CR26	36	12/2018/BYT-TB-CT	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR JSC)	Việt Nam	Hộp/30 tệp
122	VT0243		Chi khâu Prolene 3/O (90cm/2 kim 31mm, 1/2C RB)	Chi Trustilene (Polypropylene) số 3/0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 30 mm, PP20A30L90	12		CPT	Việt Nam	H / 24 tệp

123	VT0244		Chỉ khâu Prolene 4/O (90cm/2 kim 20mm, 1/2C RB)	Polypropylene (4/0) 90cm 1/2CR20 - 2 KIM	36	12/2018/BYT-TB-CT	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR JSC)	Việt Nam	Hộp/12 tép
124	VT0247		Chỉ khâu Prolene số 0 (100cm/31mm, 1/2C RB)	Unilene	60	103072906421	Unisur Lifecare	Án Độ	Hộp 12 tép
125	VT0248		Chỉ khâu Safil violet số 0 + kim tròn (90cm/40mm)	Chỉ khâu phẫu thuật Truglyde các loại, các cỡ	60	8047NK/BYT-TB-CT	Healthium Medtech	Án Độ	Hộp/ 12 tép
126	VT0249		Chỉ khâu Safil violet số 1 + kim tròn (90cm/40mm)	Chỉ khâu phẫu thuật Truglyde các loại, các cỡ	60	8047NK/BYT-TB-CT	Healthium Medtech	Án Độ	Hộp/ 12 tép
127	VT0253		Chỉ khâu Silk 2/O (loại 12 sợi)	Chỉ Caresilk (Silk) số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm, S3012	12	18/2017/BYT-TB-CT	CPT	Việt Nam	H / 24 tép
128	VT0254		Chỉ khâu Silk 2/O + kim tam giác	Unisil	60	102982160412	Unisur Lifecare	Án Độ	Hộp 24 tép
129	VT0255		Chỉ khâu Silk 2/O + kim tròn	Chỉ khâu phẫu thuật Trusilk các loại, các cỡ	60	8047NK/BYT-TB-CT	Healthium Medtech	Án Độ	Hộp/ 12 tép
130	VT0258		Chỉ khâu Silk 3/O + kim tam giác	Unisil	60	103072906421	Unisur Lifecare	Án Độ	Hộp 24 tép
131	VT0259		Chỉ khâu Silk 3/O + kim tròn	Black Silk 2(3/0)75cm 1/2CR26	36	12/2018/BYT-TB-CT	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM & SINH HỌC Y TẾ (MEBIPHAR JSC)	Việt Nam	Hộp/30 tép
132	VT0260		Chỉ khâu Silk 4/O + kim tam giác	Chỉ khâu phẫu thuật không tự tiêu Silk các loại, các cỡ	60	5790NK/BYT-TB-CT	Atlas Medical	Hy Lạp	Hộp/ 24 tép
133	VT0261		Chỉ khâu Silk 5/O + kim tam giác	Unisil	60	103072906421	Unisur Lifecare	Án Độ	Hộp 24 tép
134	VT0262		Chỉ khâu Silk 6/O + kim tam giác	Chỉ Silk (6/0) kim tam giác	36	GPNK SỐ: 8466NK/BYT-TB-CT	SMI AG	Bi	12 tép/ hộp
135	VT0271		Chỉ khâu Vicryl 2/O + kim tròn (75cm/26mm, 1/2C)	Chỉ khâu phẫu thuật Trusynth các loại, các cỡ	60	8047NK/BYT-TB-CT	Healthium Medtech	Án Độ	Hộp/ 12 tép
136	VT0272		Chỉ khâu Vicryl 3/O + kim tròn (75cm/26mm, 1/2C)	Chỉ khâu phẫu thuật Trusynth các loại, các cỡ	60	8047NK/BYT-TB-CT	Healthium Medtech	Án Độ	Hộp/ 12 tép

137	VT0273		Chỉ khâu Vicryl 4/O + kim tròn (75cm/17mm, 1/2C)	Chỉ Surgicryl 910 (4/0)	36	GPNK SỐ: 8466NK/BY T-TB-CT	SMI AG	Bi	12 tép/ hộp
138	VT0276		Chỉ khâu Vicryl số 0 + kim tròn (90cm/40mm, 1/2C)	Chỉ khâu phẫu thuật Trusynth các loại, các cỡ	60	8047NK/BY T-TB-CT	Healthium Medtech	Án Độ	Hộp/ 12 tép
139	VT0277		Chỉ khâu Vicryl số 1 + kim tròn (90cm/40mm, 1/2C)	Chỉ khâu phẫu thuật Trusynth các loại, các cỡ	60	8047NK/BY T-TB-CT	Healthium Medtech	Án Độ	Hộp/ 12 tép
140	VT0291		Chỉ phẫu thuật PDS II 4/0, 70cm, kim tròn SH-2 taperpoint plus 20mm, 1/2C, W9115H	Chỉ Protisorb (Polydioxanone) số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm, PD15A20	12	02/2017/BYT -TB-CT	CPT	Việt Nam	H / 36 tép
141	VT0292		Chỉ phẫu thuật PDS II số 2/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn plus 26mm, 1/2 C, W9125H	Chỉ phẫu thuật Monosorb nguyên liệu Polydioxanone, số 2/0	36	GPNK: 10344NK/BY T-TB-CT, TKHQ: 10177295985 1	Medipac	Hy Lạp	1 Tép/ gói
142	VT0293		Chỉ phẫu thuật PDS II số 3/0, 70cm, kim tròn đầu tròn plus 26mm, 1/2C, W9124H	Chỉ Protisorb (Polydioxanone) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, PD20A26	12	02/2017/BYT -TB-CT	CPT	Việt Nam	H / 36 tép
143	VT0346		Chlorin 70% (bột)	Chlorin 70% (bột)	24		Xilong	Trung Quốc	Thùng 50kg
144	VT0980		Chổi đánh bóng	Chổi đánh bóng	24	hhh	TPC	Mỹ	Hộp / 144 cây
145	XN013.006		Cholesterol	CHOLESTEROL FL	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	4 lọ R1:50ml trong hộp thuốc (10x50ml)
146	XN039.002		Chuẩn huyết học CBC-ST	Control CBC-ST Plus	3	180001385/P CBA-HCM	R&D System Inc	Mỹ	3 x 2,5ml
147	XN013.025		CK-MB	CK-MB FL IFCC/DGKC	20	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	1 hộp (6x10ml) = 500 test
148	XN013.026		CK-MB Calibrator	CK-MB Calibrator có trong AUTOCAL H Chema nên không tính tiền	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	10x3ml
149	XN013.027		CK-MB Control Serum Level 1	CK-MB Control Serum Level 1 có trong QUANTINORM CHEMA nên không tính tiền	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	10x5ml
150	XN002.002		Cleanac	Detergent Enzymatique	24	9231NK; NĐ:03/2020/NĐ-CP	SFRI SAS	Pháp	5L
151	YC096		Clip kẹp mạch titan Ligaclip Extra, LT300	Clip Titan kẹp mạch máu cỡ ML	60	6630NK/BY T-TB-CT	Grena Ltd	Anh	6 cái/ vi 20 vi/ hộp
152	YC097		Clip kẹp mạch titan Ligaclip Extra, LT400	Clip Titan kẹp mạch máu cỡ L	60	6630NK/BY T-TB-CT	Grena Ltd	Anh	6 cái/ vi 20 vi/ hộp

153	VT0953		Cọ bôi keo trám đên (Cọ Composite)	Cọ bôi keo trám đên (Cọ Composite)	24		Shanghai Zogear	Trung Quốc	Hộp 100 cây
154	VT0956		Cole giấy 20,25,30,35	Cole giấy 20,25,30,35	24		Gapadent	Trung Quốc	Hộp 6 ống
155	VT0955		Cole gutta đủ số	Cole gutta đủ số	24		Gapadent	Trung Quốc	Hộp 6 ống
156	VT0958		Cole phụ B, C	Cole phụ B, C	24		Gapadent	Trung Quốc	Hộp 6 ống
157	VT0959		Composit đặc	Composit Z250	24		3M	Mỹ	Lọ 6g
158	VT0960		Composit lỏng	Composit lỏng	24		Axcel	Mỹ	Tube 1,5g
159	HC009		Cồn 70 độ	Cồn 70 độ	24	VNDP-HC-155-11-17	Vĩnh Phúc	Việt Nam	Can 30 lít
160	VT0193		Cồn sát khuẩn tay nhanh dạng gel	ANIOSGEL 85 NPC (500ml)	36	VNDP-HC-426-06-14	Anios	Pháp	chai 500ml
161	HC011		Cồn tuyệt đối 99.5	Cồn tuyệt đối 99.5	24	TCCS 05/2015/KD	Khả doanh	Việt Nam	Chai 1 lít
162	XN021.031		Concentrated System Liquid	CONCENTRATED SYSTEM LIQUID	36	190000832/P CBA-HN	Biosystems S.A	Tây Ban Nha	Hộp 1000ml
163	XN009.026		Control serum level 1	QUANTINORM CHEMA	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	1 lọ 5ml trong hộp thuốc (10x5ml)
164	XN012.026		Control serum level 1	QUANTINORM CHEMA	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	1 lọ 5ml trong hộp thuốc (10x5ml)
165	XN009.027		Control serum level 2	QUANTIPATH CHEMA	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	1 lọ 5ml trong hộp thuốc (10x5ml)
166	XN012.027		Control serum level 2	QUANTIPATH CHEMA	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	1 lọ 5ml trong hộp thuốc (10x5ml)
167	XN007.003		Contron máy ion đồ STS ISE6000	ISE Control (Na+, K+, Cl-, Ca2+, pH)	24	4482NK; NĐ:03/2020/NĐ-CP	SFRI SAS	Pháp	chai 30 ml
168	VT0961		Costisomol	Costisomol SP	24		Acteon	Pháp	Chai 25g
169	XN013.007		Creatinine	CREATININE	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	hộp (4x56+4x56ml)
170	XN013.020		CRP	CRP FL	20	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	Hộp (1x90ml)
171	XN013.024		CRP (Latex) Control Serum	ASO/CRP/RF CONTROL Low Level+ASO/CRP/RF CONTROL High Level	30	14510NK	Spinreact S.A.U	Tây Ban Nha	3 hộp (4x1ml) (2 level)
172	HCC142		CRP (test nhanh)	CRP-Latex	12	Số TKHQ: 102740978060	Linear Chemicals	Tây Ban Nha	Hộp 100 Tests

173	XN013.023		CRP Latex Calibrator Normal (N) Set	CRP Calibrator	15	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	2 hộp (5x1ml)
174	XN083.003		CUVETTES & BALL FOR 1000 TEST	Cuvettes & Ball for 1000Test	18		Biolabo	Pháp	1000 Cuvettes, 1000 ball
175	CH048		Đai Desault các số	DAI DESAULT CAC SO	60		Gia Hưng	Việt Nam	gói 1 cái
176	CH049		Đai xương đòn các số	Đai xương đòn các số	36	170002779/P CBA-HCM	Gia Hưng	Việt Nam	g/1 cái
177	XN081.003		Daily Cleaning Solution Kit 90ml	Daily Cleaning Solution	24	4229NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Medica Corporation	Mỹ	90ml
178	VT0360		Dẫn lưu kín vết mổ HEMO VAC	SURUVAC PRO	36	10318289764 0 ngày 05/03/2020	Suru International PVT. LTD.	Ấn Độ	Túi/ 1 cái
179	VT0349		Dao cắt	Dao mổ mắt 2.2/2.8/3.0/3.2mm (Clear Corneal Knives), Model: CCR-22/28/30/32AGF	48	PTN: 170002798; TKHQ: 10264229792 0; TKHQ: 10283609583 0	Kai	Nhật Bản	Hộp 05 cây
180	VT0352		Dao chọc tiền phòng 15 độ	Dao Side Port SP 15.0	36	TKHQ:10194 2264761	Shah	Ấn Độ	Hộp/10 cây
181	VT0354		Dao siêu âm Harmonic ACE	Dao siêu âm Harmonic ACE+ ( HAR 36)	60	9706NK/BY T-TB-CT	Ethicon Endo – Surgery	Mexico	hộp/6 cái
182	VT0355		Dao siêu âm Harmonic ACE+, HAR23	Dao siêu âm Harmonic ACE+ ( HAR 23)	60	9706NK/BY T-TB-CT	Ethicon Endo Surgery	Mexico	hộp/6 cái
183	VT0356		Dao siêu âm harmonic Focus	Dao siêu âm mổ mổ Harmoic Focus+ ( HAR9F)	60	9706NK/BY T-TB-CT	Ethicon Endo Surgery	Mexico	hộp/6 cái
184	VT0474		Đầu col vàng 10-200 mcl, có khóa và không khóa	Pipet Tips (Đầu col vàng 10-200 mcl, có khóa và không khóa)	24	190000785/P CBA-HCM	Ningbo MFLab Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	bịch/1000 cái
185	VT0477		Đầu col xanh 100-1000 mcl, có khóa và không khóa	Pipet Tips (Đầu col xanh 100-1000 mcl, có khóa và không khóa)	24	190000785/P CBA-HCM	Ningbo MFLab Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	gói/500 cái
186	VT0982		Dầu vô tay khoan	Dầu vô tay khoan	24		Chang Ming Co., Ltd	Đài Loan	Chai 550ml
187	XN047.009		Dây bơm ion đồ	Dây bơm ion đồ	120		Convergent - Đức	Đức, Mỹ/ Thụy Điển	Gói/1 sợi

188	VT0365		Dây bơm thuốc cân quang	Dây bơm thuốc cân quang áp lực cao. Model: 500105; Model: 500106	36	10128477031	Baoan	Trung Quốc	Hộp/ 25 cái
189	YC110		Dây cáp máy đo điện tim máy Fukuda	Cáp điện tim (Dây cáp máy đo điện tim máy Fukuda)	60	TKHQ số: 102813747740	Unimed	Trung Quốc	01 bộ/ gói
190	YC111		Dây cáp nối máy Monitor	Dây nối IBP	36		Mecun	Trung Quốc	Gói / Bộ
191	VT0370		Dây cho ăn có nắp (Feeding) các cỡ	Dây cho ăn các số 4, 6, 8	60	170000020/P CBA-HCM	Suzhou Yudu	Trung Quốc	Hộp/200 cái
192	VT0371		Dây cho ăn không nắp (Stomach) các cỡ	Sonde dạ dày các cỡ	60	180000024/P CBA-NA	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Túi 1 cái
193	VT0372		Dây dao Harmonic màu xám dùng cho dao nội soi	Dây dao Harmonic màu xám dùng cho dao nội soi ( HP 054)	60	VN-LTR-RA-254-2018	Ethicon Endo – Surgery	Mexico	hộp/1 cái
194	VT0373		Dây dao Harmonic màu xanh dùng cho dao mô hở	Dây dao Harmonic màu xanh dùng cho dao mô hở ( HP Blue )	60	VN-LTR-RA-254-2018	Ethicon Endo – Surgery	Mexico	hộp/1 cái
195	YC114		Dây điện tim dùng cho máy Nihonkoden	Dây máy điện tim 6 cần Nihon Kohden	24		Lontek	Trung Quốc	Gói 1 cái
196	VT0377		Dây Garo	Dây garo	36	180000063/P CBA - HCM	Thời Thanh Bình	Việt Nam	10 sợi/gói
197	VT0382		Dây hút đàm không khóa (không nắp)	DÂY HÚT NHỐT MPV không nắp	60	34/2019/BYT -TB-CT	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	GÓI 1 cái
198	VT0383		Dây hút đàm nhớt có khóa (có nắp)	DÂY HÚT NHỐT MPV có nắp	60	34/2019/BYT -TB-CT	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	GÓI 1 cái
199	VT0380		Dây hút dịch phẫu thuật đường kính trong 8mm, dài 2.0m	DÂY HÚT DỊCH PHẪU THUẬT MPV (2m)	60	190000005/P CBA-NB	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	Túi 1 sợi
200	VT0391		Dây nối bơm tiêm điện, truyền dịch có khóa áp lực dương dài 150cm	Dây nối bơm tiêm điện, truyền dịch có khóa áp lực dương dài 150cm	36	PTN SỐ: 190001287/P CBA-HN ngày 13/09/2019	Cty CP Dược Phẩm và TBYT An Phú	Việt Nam	1 cái/ gói
201	VT0396		Dây nối máy bơm tiêm điện 75 cm Không có chất phụ gia DEHP	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	60	180000028/P CBA-NA	Hubei Fuxin Medical Equipment Co., Ltd	Trung Quốc	Túi 1 cái

202	VT0397		Dây nối máy thở	Sâu máy thở	60	18000024/P CBA-NA	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Gói 1 cái
203	VT0399		Dây oxy 2 nhánh các cỡ (người lớn, trẻ em)	Dây oxy 2 nhánh các cỡ (người lớn, trẻ em)	36	PTN SỐ: 180000171/P CBA-HN ngày 24/01/2018	Cty CP Dược Phẩm và TBYT An Phú	Việt Nam	1 sợi/ gói
204	VT0400		Dây oxy 2 nhánh sơ sinh	DÂY THỞ OXY MPV	60	170000004/P CBA-NB	Công ty cổ phần nhựa y tê Việt Nam	Việt Nam	GÓI 1 cái
205	VT0404		Dây truyền dịch 20 giọt/ ml, luer lock, màng lọc cuối dây truyền	I.V Administration set ISA- 004AS_NST	60	12021-7-2019	Amsino Medical (Kunsha n) Co., Ltd.	Trung Quốc	Hộp 100 cái
206	VT0405		Dây truyền dịch 20 giọt/ml dài 180cm	INTRAFIX SAFESET I.S. TUBING LENGHT 180CM	60	30/2016/BYT -TB-CT ngày 03/08/2016	B.Braun Vietnam Co., Ltd	Việt Nam	Thùng/100 Sợi
207	VT0406		Dây truyền dịch 60 giọt, có bầu pha thuốc	DOSIFIX LUER LOCK	60	170000090/P CBA-HN Ngày 21/06/2017	B.Braun	Malaysia	Hộp/25 cái
208	VT0408		Dây truyền dịch 60 giọt/ ml, màng lọc cuối dây truyền	NIPRO PEDIATRIC INFUSION SET IPN-600G-00	60	1-1-03-02-19- 01522	Nipro (Thailand ) Corporati on Limited	Thái Lan	Hộp 50 cái
209	VT0409		Dây truyền máu	Dây truyền máu	60		Angioplast	Ấn Độ	Thùng 450 cái
210	VT0410		Dây truyền máu	Dây truyền máu	24		Van Oostveen Medical B.V	Hà Lan	Gói 1 sợi
211	XN069.003		D-DIMER	0025232 D-DIMER	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100 Test
212	XN069.008		D-DIMER CONTROL SET	0025432 D-dimer CONTROL SET	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	2set*2level
213	XN069.006		D-DIMER CALIBRATOR	0025332 D-dimer CALIBRATOR	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1mLx12
214	VT0484		Đè lưỡi bằng gỗ sử dụng 1 lần	Đè lưỡi gỗ không tiệt trùng	36	170002211/P CBA-HCM	Lạc Việt	Việt Nam	Hộp/ 100 cái
215	YC131		Đèn đọc phim đơn	Đèn đọc 1 film Y khoa (CT, MRI, X- Quang) 45cmx37cm	24		Thành Nhân	Việt Nam	Cái
216	YC133		Đèn gù	Đèn gù chân thấp	24		Thành Nhân	Việt Nam	Cái
217	YC134		Đèn hồng ngoại	Đèn hồng ngoại	36		Thành Nhân	Việt Nam	Cái
218	YC135		Đèn hồng ngoại 1,7 m	Đèn gù cao 1m7	24		Thành Nhân	Việt Nam	Cái

219	SP010		Dengue IgG/IgM Test hộp 25 test	Asan Easy Test Dengue IgG/IgM	24	SPCĐ-TTB- 539-17	Asan Pharmac eutral Co., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/25 test
220	SP011		Dengue NS1 Ag (test nhanh)	Dengue NS1 Ag Rapid Test	24	SPCĐ-TTB- 712-19	Trueline - Medicon	Việt Nam	30 test/hộp
221	XN069.061		Detector standardization cup	0020970 Detector standardization test cup	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	200 Test
222	XN039.001		Diapac K ACT Diff	DIAPAC K ACT DIFF	24		Diagon	Indonesia	Thùng 15L
223	VT1411		Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật mắt, Hyprosol 2% 5ml	Dịch nhầy Hyprosol 2% (HPMC 2%), 5ml	24	TKHQ: 10279717992 0	Sunways	Ấn Độ	Hộp 01 lọ
224	XN047.005		Điện cực Ca	Điện cực Ca <sup>++</sup>	12		Converge nt - Đức	Đức, Mỹ/ Thụy Điển	Hộp/1 cái
225	XN047.006		Điện cực Cl	Điện cực Cl <sup>-</sup>	12		Converge nt - Đức	Đức, Mỹ/ Thụy Điển	Hộp/1 cái
226	XN047.004		Điện cực K	Điện cực K <sup>+</sup>	12		Converge nt - Đức	Đức, Mỹ/ Thụy Điển	Hộp/1 cái
227	XN047.008		Điện cực Reference	Điện cực Reference	12		Converge nt - Đức	Đức, Mỹ/ Thụy Điển	Hộp/1 cái
228	XN047.003		Điện cực Na	Điện cực Na <sup>+</sup>	12		Converge nt - Đức	Đức, Mỹ/ Thụy Điển	Hộp/1 cái
229	XN047.007		Điện cực pH	Điện cực pH	12		Converge nt - Đức	Đức, Mỹ/ Thụy Điển	Hộp/1 cái
230	VT0485		Điện cực xốp	Điện cực điện tim (dán)	24	GPLH số 180002521/P CBA-HCM	Shanghai Litu	Trung Quốc	50 cái/ gói
231	XN035.003		Diluent 20 L (M30)	Diatro* Dil - Diff MN	24	190000002/P CBA-HP	Diatron	Hungary	Thùng 20 Lít
232	XN069.066		Diluent concentrate	0020956 Diluent concentrate	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100ml x 4
233	XN013.008		Direct Bilirubin	BILIRUBIN DIRECT DPD	12	14569NK/BY T-TB-CT	Medicon Hellas	Hy Lạp	2X4X30mL (4x30mL + 4x30mL)
234	YC151		Đồng hồ Oxy	DONG HO OXY	60	Hộp 1 cái	Greetme d	Trung Quốc	Hộp 1 cái
235	YC122		Dụng cụ phẫu thuật trĩ Longo-PPH	Dụng cụ cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo 33mm	36	10952NK/BY T-TB-CT	Grena Ltd	Anh	Hộp 1 chiếc
236	VT0424		Dung dịch khử khuẩn và tẩy rửa đa enzyme dùng cụ nội khoa, ngoại khoa và dụng cụ nội soi can 5 lít	Radix zyme	24	200000291/P CBA-HCM	Radix Hi Care Product	Ấn Độ	can 5 lít

237	HC001		Dung dịch Acid Acetic 3%	Acid Acetic 3%	24	170000032/P CBSX-HCM	Nam Khoa	Việt Nam	Chai 500ml
238	XN002.001		Dung dịch Isotonac3	DILUANT LMG	24	9231NK; NĐ:03/2020/ NĐ-CP	SFRI SAS	Pháp	20L
239	HC012		Dung dịch KOH 10%	KOH 10%	24	170000032/P CBSX-HCM	Nam Khoa	Việt Nam	Chai 1.000ml
240	HC013		Dung dịch Lugol 3%	Lugol 3%	24	170000032/P CBSX-HCM	Nam Khoa	Việt Nam	Chai 200ml
241	XN041.003		Dung dịch phá hồng cầu (Autolyse)	Diatro*Lyse-KX SYS	24	190000002/P CBA-HP	Diatron	Hungary, Không	Chai 500 ml
242	VT0433		Dung dịch rửa tay diệt khuẩn dùng trong ngoại khoa.	DERMANIOS SCRUB CHLORHEXIDINE 4% (500ML)	36	VNDP-HC-778-08-14	Anios	Pháp	chai 500ml
243	VT0436		Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm, Chlorhexidin gluconate 0.5%, chai 100ml	Zyto CL	24	200000640/P CBA-HCM	ZYTO GROUP	Mỹ	chai 100ml
244	VT0435		Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm, Chlorhexidin gluconate 0.5%, chai 500ml	Clinicare 500ml	36	VNDP-HC-119-12-12	Opodis Pharma	Việt Nam	Chai 500ml/ Thùng 12 chai
245	VT0440		Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm, Microshield 4% 500 ml	ALFASEPT CLEANSER 4	36	VNDP-HC-101-05-17	Lavitec	Việt Nam	Chai 500ml
246	VT0446		Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh chai 100ml	Zyto AL	24	200000640/P CBA-HCM	ZYTO GROUP	Mỹ	Chai 100 ml
247	VT0447		Dung dịch rửa vết thương các loại Adovidin 10%	ASI-IODINE	36	VNDP-HC-072-04-17	Asimec	Việt Nam	Chai 500ml
248	VT0449		Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Clinicare 500ml	36		Opodis Pharma	Việt Nam	Chai 500ml/ Thùng 12 chai
249	VT0455		Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	ANIOS'CLEAN EXCEL D (5L)	24	TKHQ số: 10315749836 1	Anios	Pháp	Thùng 5 lít
250	VT0450		Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	Radix OPA	24	200000291/P CBA-HCM	Radix Hi Care Product	Ấn Độ	Thùng 5 lít
251	VT0451		Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	ALFASEPT GTA 2.5%	24	05/2019/BYT -TB-CT	Lavitec	Việt Nam	Thùng 5 lít
252	VT0454		Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	ANIOS'CLEAN EXCEL D (25ML)	18	TKHQ số: 10315749836 1	Anios	Pháp	Gói 25ml

253	XN081.002		Easy QC level 1 Blood Gas and electrolyte Quality Control 1,7ml	EasyQC Level 1 Blood Gas and Electrolyte Quality Control	24	4229NK ; ND: 03/2020/ND-CP	Medica Corporation	Mỹ	1.8 ml
254	XN081.001		EsyBloodGas Reagent Moudle 800ml	EasybloodGas Reagent Module 800ml	18	8469NK/BY T-TB-CT	Medica	Mỹ	800 ml
255	VT0996		Eugenol	Eugenol	24		Sultan	Mỹ	Lọ 30ml
256	SP015		EV 71 IgM (Test Nhanh)	SD Bioline EV 71 IgM	18	SPCĐ-TTB-0221-16	Standard Diagnostics, Inc	Hàn Quốc	Hộp 25 test
257	HC014		Formol	Formalin	36	TCCS: 08-2013/ KHKT	KHKT	Việt Nam	Chai 1 lít
258	HCC052		Formol tinh khiết	Formaldehyde	24	TKHQ: 102350359050	Thermo Fisher	Mỹ	Chai 1 lít
259	XN069.020		FT4	0025268 FT4	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100Test
260	VT0998		Fuji 9 các màu A3 + A3,5	Fuji 9 các màu A3 + A3,5	24		GC	Nhật Bản	Hộp 15g bột + 6,4ml nước
261	VT0497		Gạc lưới Lipido Colloid (10cm x 12cm)	Urgotul 10cm x 10cm	36	30/2015/TT-BYT	Laboratoires Urgo	Pháp	Hộp 10 miếng
262	VT0501		Gạc mét 0,8m - 1,2m	Gạc y tế khổ 0,8m	60	180000395/P CBA-HCM	Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	1000 mét/ kiện
263	VT0503		Gạc miếng vô trùng	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp tiệt trùng	24	170000001/P CBA-ĐNa	Damedco	Việt Nam	10 miếng / Gói
264	VT0505		Gạc phẫu thuật ổ bụng, vô trùng 30x30 cm, 6 lớp	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 30cm x 6 lớp cân quang, tiệt trùng	24	170000001/P CBA-ĐNa	Damedco	Việt Nam	Gói 5 miếng
265	VT0508		Gạc y tế vô trùng 5x6 cm, 8 lớp	Gạc phẫu thuật 5cm x 6cm x 8 lớp tiệt trùng	24	170000001/P CBA-ĐNa	Damedco	Việt Nam	Gói 10 miếng
266	VT0511		Găng tay khám bệnh (loại cao su tổng hợp)	InnoQ Latex glove	60	190000031/P CBA-HCM	Professional Latex Sdn Bhd	Malaysia	50 đôi / hộp
267	VT1235		Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	POWDERED LATEX EXAMINATION GLOVES SMOOTH, WHITE, 240MM	36	TKHQ 103283121320	Multisafe	Malaysia	Hộp 50 đôi
268	VT0514		Găng tay y tế không tiệt trùng phủ polymer các cỡ (size S, M, L, XL)	GANG KHAM SOFTGLO SIZE S, M, XS, L	36	170002513/P CBA-HCM	Top Glove	Malaysia	Hộp 50 đôi
269	VT0515		Găng tay y tế phẫu thuật các cỡ (số 6,5, 7, 7,5, 8)	Găng phẫu thuật tiệt trùng các số 6,5-7-7,5-8	60	16/2018/BYT-TB-CT	MERUFA	Việt Nam	50 đôi/hộp, 300 đôi/thùng
270	VT0516		Găng tay y tế phẫu thuật các cỡ (số 6,5, 7, 7,5, 8), độ dài tối thiểu 240mm	Găng phẫu thuật tiệt trùng không bột	60	16/2018/BYT-TB-CT	MERUFA	Việt Nam	50 đôi/hộp, 300 đôi/thùng
271	VT0518		Găng y tế dùng trong sản khoa đã tiệt trùng	Găng sản khoa tiệt trùng	58	16/2018/BYT-TB-CT	MERUFA	Việt Nam	40 đôi/hộp, 240 đôi/thùng

272	VT0520		Gel bôi trơn K-Y Lubricating Jelly 82G Exp	Gel bôi trơn	24	42/2018/BYT -TB-CT	Merufar	Việt Nam	Hộp/1 tube
273	VT0521		Gel siêu âm	Gel siêu âm	24	190001579/P CBA-HCM	Merufa	Việt Nam	Can/5 lít
274	VT0522		Gel siêu âm Megasonic (xanh)	Megasonic Gel siêu âm	36	190000273/P CBA-HN	H và X	Việt Nam	Can 5 lít
275	HCC110		General Clinical Chemistry Program (50 Analytes)	RIQAS Monthly General Clinical Chemistry (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Sinh Hóa)	24	170000946/P CBA-HCM	Radox	Anh	Hộp 6 x 5 ml
276	XN013.009		GGT	G-GT	36	14569NK/BY T-TB-CT	Medicon Hellas	Hy Lạp	4X40mL + 4X40mL
277	VT0539		Giá đựng ống nghiệm inox	Giá đựng ống nghiệm inox	24		Cemaco	Việt Nam	Gói 1 cái
278	VT1002		Giấy cán nha khoa	Giấy cán	24		Hanel	Đức	Hộp 10 xấp
279	VT0542		Giấy điện tim 110x140x143	Giấy điện tim 6 cần tập		180000023/P CBA-NA	EF Medica SRL	Ý	Túi 1 cuộn
280	VT0546		Giấy điện tim 63mm x 30m	Giấy điện tim 3 cần cuộn		180000023/P CBA-NA	EF Medica SRL	Ý	Hộp 10 cuộn
281	VT0549		Giấy điện tim máy 6 kênh 110mm x 140mm x 143 sheets	Giấy điện tim 6 cần tập		180000023/P CBA-NA	EF Medica SRL	Ý	Túi 1 xấp
282	VT0553		Giấy in máy bắt số 80mm	Giấy in máy bắt số 80mm	24	444	Hansol	Hàn Quốc	Thùng/100 cuộn
283	VT0557		Giấy in nhiệt 50mm x 20m	Giấy in nhiệt 50mm x 20m	24		Tianjin Gandpap er	Trung Quốc	Gói 1 cuộn
284	VT0566		Giấy Monitoring sản khoa các cỡ	Giấy in y tế - Giấy Monitoring sản khoa các cỡ (152mm x 150mm x 200 sheets); (152mm x 90mm x 150 sheets); (130mm x 120mm x 300 sheets)	60	170002751/P CBA-HCM	Tele- Paper (M) SDN BHD	Malaysia	Gói 1 xấp
285	VT1005		Giấy trộn	Giấy trộn	24		GC	Nhật Bản	Bọc 10 xấp
286	HCC163		Giemsa	Giemsa's Stain	24	TKHQ 10278500250 0	Himedia	Ấn Độ	Chai 500 ml
287	XN013.010		Glucose	GLUCOSE	23	7800NK/BY T-TB-CT	Beckman  Coulter/ Ai-Len san xuất cho Beckman  Coulter/ My	Ireland	Hộp 4x53mL+4x2 7mL (5200 Xét Nghiệm)

288	VT0524		Gói để sạch	Bộ đôn bé chào đời	36	20000018/P CBA-ĐN	Công ty TNHH Sản xuất thương Mại Hạnh Minh	Việt Nam	40 gói/thùng
289	VT0525		Gói gạc đắp phỏng, VT, NK 04	Gói gạc đắp phỏng, TT, NK 04	24	180000395/P CBA-HCM	Bông Bạch Tuyệt	Việt Nam	Gói
290	VT0526		Gói gạc mô nội soi, VT, NK 44	Gói gạc mô nội soi tiệt trùng NK44	24	180000395/P CBA-HCM	Bông Bạch Tuyệt	Việt Nam	Gói
291	VT0527		Gói gòn gạc VT, NK 15	GOI GON GAC VT, NK 15	24	180000395/P CBA-HCM	Bạch Tuyệt	Việt Nam	1 gói
292	VT0528		Gói gòn nhỏ răng VT, NK 27	GOI GON NHO RANG VT, NK 27	24	180000394/P CBA-HCM	Bạch Tuyệt	Việt Nam	1 gói
293	VT0530		Gói gòn viên NK13	GOI GON VIEN TT NK 13	24	180000394/P CBA-HCM	Bạch Tuyệt	Việt Nam	Gói 7 viên/12g
294	VT0533		Gói thay băng có gòn, VT, NK02	GOI THAY BANG CO GON, TT, NK 02	24	180000398/P CBA-HCM	Bạch Tuyệt	Việt Nam	1 gói
295	VT0536		Gòn thay băng có gòn viên, VT mã hàng: NK02	GON THAY BANG CO GON VIEN, TT, NK 02	24	180000398/P CBA-HCM	Bạch Tuyệt	Việt Nam	Gói gòn lót gạc: 18cm x 8cm x 1 miếng (trọng lượng của 02 miếng gòn lót gạc là 0.35 gram; 15 viên gòn là 7.5 gram)
296	XN052.001		GX Assay Kit	GX Assay Kit	18	7572NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1 Hộp
297	SP018		H. Pylory (test nhanh)	One Step H.Pylori Test (Cassette)	24	SPCĐ-TTB- 0058-14	Abon	Trung Quốc	40 test/hộp
298	HCC111		Haematology Programme (12 Analytes)	RIQAS Monthly Haematology (Chương trình Ngoại kiểm Riqas Huyết Học)	3	170000834/P CBA-HCM	Randox	Anh	Hộp 3x2 ml
299	XN031.020		HbA1C	DIRECT HbA1c	18	14510NK	Spinreact S.A.U	Tây Ban Nha	Hộp (R1:1x30+R2 :1x10+R3:1x 125ml)
300	XN031.021		HbA1C Calibrator	DIRECT HbA1c CAL	24	14510NK	Spinreact S.A.U	Tây Ban Nha	Hộp 4*0.5ml
301	XN031.022		HbA1C Control	DIRECT HbA1c CONTROL	24	14510NK	Spinreact S.A.U	Tây Ban Nha	6 lọ 0.5ml trong hộp thuốc (4x0.5ml)
302	SP019		HBeAg (test nhanh)	HBeAg (Test nhanh)	24	SPCĐ-TTB- 698-19	InTec Products	Trung Quốc	50 Test/ Hộp
303	XN069.024		HBSAG	0025210 HBsAg	12	4184/BYT- TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100Test

304	SP023		HBsAg (định tính)	HBsAg Hepatitis B Surface Antigen Rapid Test (3mm)	24	QLSP-0617-13	Abon	Trung Quốc	50 test/hộp
305	XN069.040		HBSAG CALIBRATOR	0020310 HBSAG CALIBRATOR	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1mLx4
306	XN069.009		HBV ANTIGEN CONTROL SET	0020951 HBV Ag CONTROL SET	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	6set*2level
307	XN013.011		HDL-Cholesterol	HDL-direct FL	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	5 lọ R1:45ml; 5 lọ R2:15ml trong hộp thuốc (4x45+4x15ml)
308	XN052.002		Hemoglobin A1c Calibrator Set	Hemoglobin A1c Calibrator Set	12	7572NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	2 level, 5 x 4ml/hộp
309	XN052.003		Hemoglobin A1c Control Set	Hemoglobin A1c Control Set	12	7572NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	2 level, 4 x 0.5ml/hộp
310	XN007.001		Hóa chất ion đồ 5 TS cho máy ISE6000	ISE 6000 Pack SFRI	24	4482NK; NĐ:03/2020/NĐ-CP	SFRI SAS	Pháp	1000ml (Standard A 650 ml + Standard B 350 ml)
311	HC015		Hóa chất làm Pap` Mear	Hóa chất làm Pap(Hematoxylin, EA 50, OG 6)	24	TKHQ: 102350359050	Merck Kga	Đức	Bộ 3 chai 500ml
312	XN083.002		Hóa chất xét nghiệm đông máu APTT	Hóa chất xét nghiệm đông máu APTT	18	3237NK/BY T-TB-CT	Biolabo	Pháp	6 x 3 ml
313	XN083.001		Hóa chất xét nghiệm đông máu PT	Hóa chất xét nghiệm đông máu PT	18	3237NK/BY T-TB-CT	Biolabo	Pháp	6 x 4 ml
314	YC167		Hộp chống sốc 12x25 cm	HOP INOX 11*23CM	60		TMT	Việt Nam	Gói 1 cái
315	YC168		Hộp chữ nhật 12x20cm	HOP INOX 11*23CM	60		TMT	Việt Nam	Gói 1 cái
316	VT0576		Hộp đựng lam mẫu	Hộp đựng 100 lam	24		Ningbo Greetmed	Đức	Thùng 100 hộp
317	VT0577		Hộp giấy màu vàng đựng vật sắc nhọn	Hộp hủy kim	36	TCCS	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Hạnh Minh	Việt Nam	100 cái/thùng
318	YC170		Hộp gòn Inox các cỡ	Hộp gòn inox	24	190000004/P CBA-BĐ	Kiến tạo	Việt Nam	Gói/1 cái
319	YC173		Hộp inox chữ nhật các cỡ (10x20 cm; 10x30cm; 26x13cm; 20x30 cm; 30x40cm; 60x30cm)	Hộp inox chữ nhật các cỡ	24	190000004/P CBA-BĐ	Kiến tạo	Việt Nam	Gói/1 cái
320	VT0578		Hộp inox đựng dụng cụ	Hộp inox đựng dụng cụ 12x24x5	24		Hoa Linh	Việt Nam	Gói 1 cái
321	VT0579		Hộp inox tròn	Hộp inox tròn 30x20cm	24		Hoa Linh	Việt Nam	Gói 1 cái
322	VT0582		Hộp nhựa màu vàng chứa vật sắc nhọn 1,5 lít	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 1,5 lít	24		Tương Lai	Việt Nam	Bao 50 cái

323	SP029		Humasis Dengue Combo	Citest® Dengue IgG/IgM And NS1 Combo	24		Citest	Canada	Hộp 25 test
324	XN069.001		IFT3	0025231 IFT3	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100Test
325	XN069.004		IFT3 CALIBRATOR	0025331 IFT3 CALIBRATOR	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1ml x 12
326	YC410		Kềm nhỏ răng 8 hàm trên	Kềm nhỏ răng 8 hàm trên	36		AAS	Pakistan	Gói 1 cây
327	YC412		Kềm sừng bò	Kềm sừng bò	36		AAS	Pakistan	Gói 1 cây
328	YC195		Kéo đầu nhọn, đầu tù 16cm	Kéo đầu nhọn, đầu tù 16cm	36		Electro Bismed	Pakistan	Gói 1 cái
329	YC196		Kéo đầu tù 16cm	Kéo phẫu thuật Standard 16.5cm, AC 010/16	36		Nopa	Đức	Gói 1 cây
330	YC209		Kéo thẳng nhọn 16cm	KEO THANG NHON 16CM	60		Electro Bismed	Pakistan	Gói 1 cái
331	YC214		Kẹp điện tim	Kẹp điện tim	24		Medlink	Trung Quốc	Bộ 4 cái
332	VT0588		Kẹp rón	Kẹp rón sơ sinh	60	190000001/P CBA-CT	Suzhou Tianping Huachang Medical Instrument Co., Ltd.	Trung Quốc	Gói 1 cái
333	YC235		Kẹp tứ chi ECG	Kẹp tứ chi	24		Medlink	Trung Quốc	Bộ 4 cái
334	VT0646		Khẩu trang N95 3M/tương đương	Khẩu trang N95 3M	60	TKHQ số: 103228014040	3M	Singapore	160 cái/ thùng
335	KYT05		Khí CO2 5kg/bình	Carbon dioxide	12	36/2016/BYT -TB-CT	Công ty TNHH Oxy Đồng Nai	Việt Nam	Bình 5kg
336	KYT04		Khí CO2 bình lớn	CO2 Bình lớn	24	KT3-00274BDK	SOVIGAZ	Việt Nam	Bình khí CO2 40 lít (chứa khí CO2 theo tiêu chuẩn an toàn : 22 kg)
337	VT0649		Khóa 3 ngã có dây 100cm	Khóa ba chạc có dây nối 100cm	60	180000028/P CBA-NA	Hubei Fuxin Medical Equipment Co., Ltd	Trung Quốc	Gói 1 cái
338	VT0650		Khóa 3 ngã có dây 25cm (Đầu ba chạc có dây)	Khóa 3 ngã có dây dài 25cm	60	200000095/P CBA-HCM	Zibo Eastmed	Trung Quốc	g/1 sợi

339	VT0651		Khoá ba ngã có dây dài 25cm. Chống nứt gãy & chịu được áp lực cao. Không có chất DEHP	Khóa ba chạc có dây nối 25cm	60	180000028/P CBA-NA	Hubei Fuxin Medical Equipment Co., Ltd	Trung Quốc	Túi 1 cái
340	VT0652		Khoá ba ngã không dây	Khóa 3 ngã	60	170000026/P CBA-HCM	Disposaf e	Ấn Độ	Hộp/ 50 cái
341	VT0594		Kim cánh bướm an toàn 23G	NIPRO SAFETOUCH PSV 23G 3/4"	60	1-1-03-02-19-01522	Nipro (Thailand) Corporation Limited	Thái Lan	Hộp 50 cái
342	VT0599		Kim châm cứu 7cm	Sterile Acupuncture needle size 0,3x75mm	36	TKHQ 102636317450	Wujiang	Trung Quốc	Bộ 10 cây
343	VT0607		Kim châm cứu số 4.5	Sterile Acupuncture needle size 4.5	36	TKHQ 102636317450	Wujiang	Trung Quốc	Bộ 10 cây
344	VT0608		Kim châm cứu số 7 (ø 0,30 x 75mm), có đầu, cán bạc, dùng cho máy châm cứu điện	Sterile Acupuncture needle size 0,3x75mm	36	TKHQ 102636317450	Wujiang	Trung Quốc	Gói 10 cây
345	VT0611		Kim chọc dò (Spinocan) các cỡ kim	Spinal Needle Quincke, 20G, 22G, 25G, 27G	36	TKHQ 103118323930	TMT TIBBI Medikal	Thổ Nhĩ Kỳ	Túi 1 cây
346	VT1011		Kim gai lấy tủy (xanh + đỏ)	Kim gai lấy tủy (xanh + đỏ)	24		Kim Đỉnh	Việt Nam	Vi 12 cây
347	VT0615		Kim gây tê tủy sống các cỡ	Spinal Needle Quincke các size	36	TKHQ 103118323930	TMT TIBBI Medikal	Thổ Nhĩ Kỳ	Túi 1 cây
348	VT0624		Kim luồn tĩnh mạch 16G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, công VINACATH	60	16/2019/BYT-TB-CT	USM Healthcare	Việt Nam	50 cái / hộp
349	VT0625		Kim luồn tĩnh mạch 18G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, công VINACATH	60	16/2019/BYT-TB-CT	USM Healthcare	Việt Nam	50 cây / hộp
350	VT0633		Kim luồn tĩnh mạch, có lock, 20G	Kim luồn có cánh có công 18G ~ 22G, có cán quang	25	103027317300	Exelint	Mỹ	1c/ gói vô trùng
351	VT0634		Kim luồn tĩnh mạch, có lock, 22G	Kim luồn có cánh có công 18G ~ 22G, có cán quang	25	103027317300	Exelint	Mỹ	1c/ gói vô trùng
352	VT0635		Kim luồn tĩnh mạch, có lock, 24G	INTROCAN SAFETY-W FEP 24G, 0.7X19MM	60	102556898250 ngày 28/03/2019	B.Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Malaysia	Hộp/50 cây
353	VT0636		Kim luồn tĩnh mạch, polyurethane, có cánh có công G20	Kim luồn tĩnh mạch ngoại vi cỡ 20G	60	102300430740	Rays Spa	Ý	Hộp 100 cái
354	VT0637		Kim luồn tĩnh mạch, polyurethane, có cánh có công G22	Kim luồn tĩnh mạch ngoại vi cỡ 22G	60	102300430740	Rays Spa	Ý	Hộp 100 cái
355	VT0638		Kim luồn tĩnh mạch, polyurethane, có cánh có công G24	Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên FAVOCATH™	60	28/2017/BYT-TB-CT	USM Healthcare	Việt Nam	50 cái / hộp

356	YC246		Kim nhổ răng đa năng 150	Kim nhổ răng 150	36		AAS	Pakistan	Gói 1 cái
357	VT0639		Kim rời 18G x 1 1/2"	KIM TIÊM MPV	60	64/2016/BYT-TB-CT	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	GÓI 1 cái
358	VT0640		Kim tiêm 26G x 1 1/2	Kim tiêm số 26G	60	170000032/P CBA-HCM	SUzhou Yudu	Trung Quốc	Hộp/100 cái
359	VT0658		Lamell 22 x 22mm	Lamell 22 x 22mm	24		Ningbo Greetmed	Trung Quốc	Hộp 100 miếng
360	VT0659		Lancet blood	Kim Lancet lấy máu thử đường huyết, vỏ nhựa bọc bảo vệ	25	102293169052	Ningbo Greatcare	Trung Quốc	Hộp/100
361	VT1019		Lentulodài 21mm	Lentulo 21mm	24		Mani	Việt Nam	Hộp 4 cây
362	VT1020		Lentulodài 25mm (Số 30)	Lentulo 25mm (số 30)	24		Mani	Việt Nam	Hộp 4 cây
363	VT0661		Lọ đựng nước tiểu	Specimen Containers	24	190000785/P CBA-HCM	Ningbo MFLab Medical Instruments Co., Ltd	Trung Quốc	bịch /50 lọ
364	VT0663		Lọ đựng phân	Lọ đựng bệnh phẩm, có gá	36	170002025/P CBA-HCM	Thời Thanh Bình	Việt Nam	100 lọ/gói
365	VT0666		Lọc khuẩn Clear - Guard 3 + công oxy cho người lớn	Lọc vi khuẩn	36	170002867/P CBA-HCM	Saykia	Đài Loan	g/1 cái
366	VT0668		Lọc vi khuẩn có công đo CO2 có cơ nối riêng tương thích với các loại máy thở	Lọc khuẩn	36		Reborn	Trung Quốc	Gói / Cái
367	VT0670		Lọc vi khuẩn trẻ em có lỗ đo CO2	Lọc vi khuẩn	36	TKHQ số 103056261710	Zhejiang Haisheng	Trung Quốc	01 cái/ gói
368	VT0671		Lưỡi dao mổ các số 10, 11, 12, 15, 20, 21	Lưỡi dao mổ các số 10, 11, 12, 15, 20, 21	24		Ribbel	Ấn Độ	Bao 1 cái
369	VT0672		Lưới điều trị thoát vị PROLENE soft mesh 6.4 x 11.4 cm	Lưới điều trị thoát vị PROLENE soft mesh 6.4 x 11.4 cm	36	GPNK SỐ: 8466NK/BYT-TB-CT	SMI AG	Bi	5 miếng/ hộp
370	XN013.013		Magnesium	MAGNESIUM XL	24	4608NK ; ND: 03/2020/ND-CP	Chema Diagnostica Di Marco Fiore	Ý	hộp (3x56ml)
371	YC268		Mâm đựng dụng cụ Inox	Mâm inox 22x32x2cm	24	190000004/P CBA-BĐ	Kiến tạo	Việt Nam	Gói/1 cái

372	VT0683		Mask ampu silicon số 3	Mặt nạ gây mê (silicon số 3)	60	180000004/P CBA-CT	Suzhou Tianping Huachan g Medical Instrume nt Co., Ltd.	Trung Quốc	Gói 1 cái
373	VT0684		Mask ampu silicon số 4	Mặt nạ gây mê (silicon số 4)	60	180000004/P CBA-CT	Suzhou Tianping Huachan g Medical Instrume nt Co., Ltd.	Trung Quốc	Gói 1 cái
374	VT0685		Mask gây mê người lớn các số 4, 5	Mặt nạ gây mê (bóp bóng có van, số 4, 5)	60	180000004/P CBA-CT	Suzhou Tianping Huachan g Medical Instrume nt Co., Ltd.	Trung Quốc	Gói 1 cái
375	VT0686		Mask gây mê số 2	ANAESTHETIC MASK VALUE 2	36	107/1700000 35/PCBPL- BYT	Foyomed	Trung Quốc	Thùng 200 cái
376	VT0687		Mask gây mê số 3	ANAESTHETIC MASK VALUE 3	36	107/1700000 35/PCBPL- BYT	Foyomed	Trung Quốc	Thùng 200 cái
377	VT0688		Mask gây mê số 4	Mặt nạ gây mê (số 4)	60	180000004/P CBA-CT	Suzhou Tianping Huachan g Medical Instrume nt Co., Ltd.	Trung Quốc	Gói 1 cái
378	VT0689		Mask gây mê trẻ em các số	ANAESTHETIC MASK VALUE 1,2	36	107/1700000 35/PCBPL- BYT	Foyomed	Trung Quốc	Thùng 200 cái
379	VT0690		Mask khí dung người lớn và trẻ em	MẶT NẠ THỎ OXY BỘ KHÍ DUNG MPV	60	84/2016/BYT -TB-CT	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam	Việt Nam	GÓI 1 cái
380	VT0691		Mask oxy có túi dự trữ + kẹp mũi + dây oxy 2.1m	OXYGEN MASK WITH RESERVOR BAG M.S	36	107/1700000 35/PCBPL- BYT	Foyomed	Trung Quốc	Thùng 100 cái
381	VT0692		Mask oxy có túi người lớn, trẻ em	Mask thở oxy có túi người lớn, trẻ em	60	200000095/P CBA-HCM	Zibo Eastmed	Trung Quốc	g/1 cái

382	VT0693		Mask oxy không túi người lớn, trẻ em	Mask oxy người lớn và trẻ em	60	180000024/P CBA-NA	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Gói 1 cái
383	VT1025		Mặt gương nha	Mặt gương nha	24		MNA	Pakistan	Gói 1 cái
384	YC258		Máy đo huyết áp điện tử	Máy đo huyết áp tự động Automatic blood pressure monitor HEM 7130-L	36	TKHQ 10316985745 1	OMRON	Việt Nam	Hộp/ 1 cái
385	YC259		Máy đo huyết áp người lớn	Máy đo huyết áp người lớn	36		Kenzmed ical	Nhật Bản	Bộ 1 cái
386	YC260		Máy đo huyết áp nhi	Máy đo huyết áp nhi	36		Kenzmed ical	Nhật Bản	Bộ 1 cái
387	YC264		Máy phun khí dung loại lớn	Máy xông khí dung		180000015/P CBA-NA	Shenzhen Fitconn Technolo gy Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 1 cái
388	YC266		Máy thử đường huyết cầm tay	AC-300 - Máy thử đường huyết cầm tay	36	GPNK số: 12291NK/BY T-TB-CT	Nhà phân phối: Fia Biomed - Đức; Nhà sản xuất: HMD BioMedi cal	Đài Loan	01 cái/ hộp
389	YC267		Máy xông họng/ phun khí dung	Máy xông khí dung		180000015/P CBA-NA	Shenzhen Fitconn Technolo gy Co., Ltd	Trung Quốc	Hộp 01 cái
390	VT0701		Miếng dán điện cực sốc điện	Điện cực tim	24		Tyrolmed	Áo	Bọc 50 miếng
391	VT0702		Miếng dán điện tim	Điện cực tim 716	36	170000365/P CBA-HCM	Bio Protech	Hàn Quốc	Bịch/ 50 cái
392	VT0709		Mỡ khí quản có bóng từ số 6 đến số 9	Ống mỡ khí quản có bóng	60	20180442- ADJVINA/17 0000008/PCB PL-BYT	Zhanjian g star	Trung Quốc	100 cái/ thùng
393	YC274		Mô vịt lớn	Mô vịt lớn	36		AAS	Pakistan	Cái
394	YC275		Mô vịt nhỏ	Mô vịt nhỏ	36		AAS	Pakistan	Cái
395	YC277		Mô vịt trung	Mô vịt trung	36		AAS	Pakistan	Cái
396	VT0711		Mực nhuộm bao	Dung dịch nhuộm bao TTT Tryblue 0.06%, 1ml (Trypan Blue Solution 0.06%)	24	TKHQ: 10279717992 0	Sunways	Án Độ	Hộp 05 lọ
397	VT1028		Mũi cắt cầu kim loại	Mũi cắt cầu kim loại	24		SSW	Mỹ	Mũi

398	VT1031		Mũi đánh bóng Composite	Mũi đánh bóng Composite	24		Medeco	Mỹ	Gói 50 mũi
399	XN069.010		MULTI-CONTROL SET	0015965 Multi Control set	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	5ml x 3 x 3 level
400	VT1054		Nạy thẳng lớn	Nạy thẳng lớn	24		MNA	Pakistan	Gói 1 cây
401	VT1055		Nạy thẳng trung	Nạy thẳng trung	24		MNA	Pakistan	Gói 1 cây
402	CH067		Nep cẳng bàn chân	Nep cẳng bàn chân	36	170002779/P CBA-HCM	Gia Hưng	Việt Nam	g/1 cái
403	CH068		Nep cẳng chân	NEP CANG CHAN	60		Gia Hưng	Việt Nam	gói 1 cái
404	CH069		Nep cẳng tay các số	NEP CANG TAY CAC SO	60		Gia Hưng	Việt Nam	gói 1 cái
405	CH065		Nep cánh cẳng tay (phải, trái) các số	NEP CANH CANG TAY CAC SO	60		Gia Hưng	Việt Nam	gói 1 cái
406	CH066		Nep cánh cẳng tay các số	NEP GO 55CM	60		Gia Hưng	Việt Nam	gói 1 cái
407	CH071		Nep cổ mềm các số	NEP CO MEM	60		Gia Hưng	Việt Nam	gói 1 cái
408	CH072		Nep đùi	Nep đùi Zimmer	36	170002779/P CBA-HCM	Gia Hưng	Việt Nam	g/1 cái
409	CH073		Nep đùi bàn chân chống xoay dài	Nep đùi bàn chân chống xoay	36	170002779/P CBA-HCM	Gia Hưng	Việt Nam	g/1 cái
410	CH076		Nep Iselin	NEP ISELIN	60		Gia Hưng	Việt Nam	gói 1 cái
411	VT0721		Ngáng miệng dùng trong nội soi	Ngáng miệng có dây choàng (20 cái/ gói)	24	Tờ khai hải quan số 10298487221 0 ngày 13/11/2019	MTW/ Đức	Đức	20 cái/ gói
412	YC301		Nhiệt kế điện tử đo trán	Nhiệt kế điện tử đo trán Forehead Thermometer MC-720	36	TKHQ 10304618451 0	OMRON	Trung Quốc	Hộp/ 1 Cái
413	YC307		Nhịp cổ máu 16cm	Nhịp cổ máu 16cm	36		Electro Bismed	Pakistan	Gói 1 cái
414	VT1062		Nhíp nha khoa	Nhíp nha khoa	24		AAS	Pakistan	Gói 1 cái
415	VT0717		Nội khí quản lò xo UnoFlex có bóng tròn (HVL) số 6.0 -> 8.5	Ống nội khí quản có lò xo	60	20180441-ADJVINA/17000008/PCB PL-BYT	Zhanjian g Star	Trung Quốc	100 cái/ thùng
416	VT0715		Nón giấy cho bệnh nhân trước mổ	InnoQ Bouffant cap	60	180001555/P CBA-HCM	Crown Name Disposable Hygiene Product Fty., Ltd	Trung Quốc	100 cái/ túi
417	HC019		Nước cất	Nước cất 1 lần	24	TC: 01/THT	TMT	Việt Nam	Can 30 lít
418	XN007.002		Nước rửa máy ion đồ 5TS ISE6000	WEEKLY CLEANING SOLUTION	24	4482NK; NĐ:03/2020/ NĐ-CP	SFRI SAS	Pháp	4 chai 30 ml

419	VT0718		Nút chặn đuôi kim luồn (In stopper)	Nút chặn đuôi kim luồn không có công bơm thuốc USTOPPER™	60	170001496/P CBA-HCM	USM Healthcare	Việt Nam	250 cái/ hộp
420	VT0726		Ống dẫn lưu màng phổi các cỡ	Ống dẫn lưu màng phổi các số	60		Angioplast	Ấn Độ	Gói 25 cái
421	VT0727		Ống dẫn lưu ổ bụng tiết trùng số 28	Ống dẫn lưu ổ bụng tiết trùng số 28	24	16/2018/BYT -TB-CT	Merufa	Việt Nam	Bọc/50 cái
422	VT0729		Ống hút điều hòa kinh nguyệt các cỡ	Ống hút điều hòa kinh nguyệt các cỡ	24		Nam Phụng	Việt Nam	Gói 1 cái
423	VT1073		Ống hút nước bọt	Ống hút nha	36	180000085/P CBA-HCM	Thời Thanh Bình	Việt Nam	100 cái/gói
424	YC327		Ống nghe	Ống nghe	36		Kenzmed ical	Nhật Bản	Cái
425	VT0742		Ống nghiệm EDTA (nắp nhựa đâm xuyên dùng cho auto sampler) có vạch 2ml	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp cao su xanh dương, mous thấp	24	170001939/P CBA-HCM	Hồng Thiên Mỹ	Việt Nam	2,400 Ống/ Thùng
426	VT0743		Ống nghiệm EDTA (nắp xanh)	Ống nghiệm EDTA	24		Anpha Health	Việt Nam	Hộp 100 ống
427	VT0746		Ống nghiệm heparin (nắp đen)	Ống nghiệm Heparin lithium HTM 2ml nắp đen, mous thấp.	24	170001939/P CBA-HCM	Hồng Thiên Mỹ	Việt Nam	2,400 Ống/ Thùng
428	VT0757		Ống nghiệm trắng có nắp 12x75mm	Ống nghiệm nhựa 5ml có nắp	36	170002025/P CBA-HCM	Thời Thanh Bình	Việt Nam	100 ống/gói
429	VT0732		Ống nội khí quản có bóng (ballon) các số	Ống nội khí quản có bóng	60	20180441- ADJVINA/17 0000008/PCB PL-BYT	Zhanjian g star	Trung Quốc	100 cái/ thùng
430	VT0759		Ống thông (sonde) nelaton các số	Thông nelaton	60	20180123- ADJVINA/17 0000008/PCB PL-BYT	Zhanjian g star	Trung Quốc	500 sợi/thùng
431	VT1074		Ống tiêm nha khoa inox	Ống tiêm nha khoa inox	24		MNA	Pakistan	Hộp 1 cây
432	SP036		Onsite Syphilis Ab	Citest® Syphilis	24		Citest	Canada	Hộp 50 test
433	KYT01		Oxy y tế bình lớn	Oxy lớn	24	47/2016/BYT -TB-CT	SOVIGA Z	Việt Nam	Bình Oxy y tế 40 lít ( chứa 6m <sup>3</sup> khí nếu tính ở điều kiện thường P 145 - 150)
434	KYT02		Oxy y tế bình nhỏ	Oxy nhỏ	24	47/2016/BYT -TB-CT	SOVIGA Z	Việt Nam	Bình Oxy y tế 14 lít ( chứa 2m <sup>3</sup> khí nếu tính ở điều kiện thường)
435	HC020		Oxygene (Oxy già)	Nước Oxy già(H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> )	24	TKHQ: 10106886196 6	Solway	Thái Lan	Can 30kg
436	VT1072		Oxyt Kẽm	Zinc Oxyde	12	4982NK/BY T -TB-CT	Prevest	Ấn Độ	Lọ / 110g

437	XN047.013		Pack for 9180	FLUID PACK	24	8636NK ; ND: 03/2020/ND- CP	Diamond Diagnostic Inc	Mỹ	Hộp 650ml
438	YC340		Pen cong không máu 20cm	Pen cong không máu 20cm	36		Electro Bismed	Pakistan	Gói 1 cái
439	YC333		Pen đầu vọt thẳng có khóa	Kẹp bông Forester- Ballenger thẳng 18cm	36		Nopa	Đức	Gói 1 cây
440	YC346		Pen thẳng 20cm có máu	PENCE THANG MAU 20CM	60		Electro Bismed	Pakistan	Gói 1 cái
441	VT0779		Phim khô Laser DI-HL 35 x 43cm tương thích với máy in	Phim khô laser DI- HL 35x43 cm	12	- Phiếu tiếp nhận HS công bố tiêu chuẩn áp dụng TTBYT loại A số: 170000389/P CBA-HCM ngày 30/06/2017	Fujifilm	Nhật Bản	Hộp/ 100 tấm
442	VT0787		Phim khô Xquang KTS Laser SD-Q 35x43 cm (14x17 inch) tương thích với máy in Konica	Phim X-quang khô laser SD-Q 35x43cm (14x17 inch)	24	170000382/P CBA-HCM	Konica Minolta - Nhật Bản	Mỹ	Hộp / 125 tấm
443	VT0793		Phim X-quang SD-Q/SD- S tương thích với máy in Konica	Phim X-quang khô laser SD-Q / SD-S 20x25cm (8x10 inch)	24	170000382/P CBA-HCM	Konica Minolta - Nhật Bản	Mỹ	Hộp / 125 tấm
444	VT0796		Phim X-Quang siêu nhạy 24x30cm	Phim X-ray Super HR-U 24x30 (500SH)	36	170000394/P CBA-HCM	Fujifilm	Nhật Bản	Hộp/100 tấm, 5 hộp/thùng
445	VT0794		Phim X-Quang siêu nhạy 30x40cm	Phim X-ray Super HR-U 30x40 (500SH)	36	170000394/P CBA-HCM	Fujifilm	Nhật Bản	Hộp/100 tấm, 5 hộp/thùng
446	VT1078		Phim X-quang siêu nhạy nha khoa 3cm x 4cm	DENTIX E size 3x4	36	TKHQ 10296590195 0	Foma	Trung Quốc	Hộp 150 tấm
447	XN035.006		Probe Cleaner 17ml (M30)	Probe cleanser	6	14253NK/BY T-TB-CT	Mindray	Trung Quốc	17ml /lọ
448	XN044.007		PT	TECLOT PT	24	1	Teco Medical Instru- ments	Đức	Lọ 4ml
449	VT0816		Que gòn dài trong ống nghiệm nhựa	Que gòn trong ống nghiệm nhựa tiết trùng	36	180002115/P CBA - HCM TKHQ: 10284850941 1	Nantong Renon	Trung Quốc	1 Que/ống
450	VT0840		Que phết âm đạo	Que phết tế bào âm đạo	36	170002213/P CBA-HCM	Lạc Việt	Việt Nam	Hộp/100 que
451	HC114		Que thử đường huyết do được máu mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh, lắp đặt máy với số lượng yêu cầu của bệnh viện sau khi trúng thầu.	Blood Glucose Test Strips	24	190000150/P CBA-HCM	HANGZ HOU SEJOY	Trung Quốc	2 hộp ( 50 que)

452	HC113		Que thử đường huyết tương thích máy Accu-chek, lắp đặt máy với số lượng yêu cầu của bệnh viện sau khi trúng thầu.	07124287033 Accu-Chek Active 2 x 50 test	18	GPNK: 527NK/BYT- TB-CT	Roche	Đức	Hộp 2 lọ x 50 que
453	HCC168		Que thử nước tiểu Dirui H-10 (Reagent H10)	Uricheck 10 Parameters	24	190000723/P CBA-HCM	VEDAL AB	Pháp	Hộp 100 que
454	XN082.002		Quo-Lab A1c Control kit	Pocketchem A1c Control Kit	12	12047NK/BY T-TB-CT	EKF Diagnosti cs GmbH	Đức	2 chai x 0,25 ml mức 1 2 chai x 0,25 ml mức 2
455	XN082.001		Quo-Lab A1c Test kit	Pocketchem A1c Test Kit	12	12047NK/BY T-TB-CT	EKF Diagnosti cs GmbH	Đức	2 Hộp x 25 Catridge
456	XN021.029		Reaction Rotor	Cuvette	24	1	Biotecnic a Instrume nts S.p.A	Ý	1
457	HCC143		RF-LATEX	RF-Latex	12	Số TKHQ: 10274097806 0	Linear Chemical s	Tây Ban Nha	Hộp 100 Tests
458	XN035.007		Rinse - 20L- 5002	Diatro*Cleaner MN	24	190000002/P CBA-HP	Diatron	Hungary, không	Thùng 20 lít
459	SP040		Rubella IgG/IgM	Ruba Latex	12	TKHQ số 10274097806 0	Linear Chemical s	Tây Ban Nha	Hộp 100 test
460	XN069.064		Sample Cup	0018581 Sample Cup	12	170000959/P CBA-HN	Tosoh	Nhật Bản	1000 cup
461	XN013.021		Sample cup (3mL)	SAMPLE CUPS	24	190000785/P CBA-HCM ; NĐ:03/2020/ NĐ-CP	Ningbo MFLab Medical Instrume nts Co., Ltd,	Trung Quốc	Túi/1000 cái
462	XN069.063		Sample Tip	0019215 Sample Tip	12	170000959/P CBA-HN	Tosoh	Nhật Bản	1000 pcs/bag
463	VT0825		Sáp Parafin	Sáp Parafin	24		Xilong	Trung Quốc	Bao 50kg
464	HCC146		SERAFOL ABO + D ( thẻ định nhóm máu đầu giường gắn sẵn)	Serafol ABO + D	18	170001095/P CBA-HCM	Sifin Diagnosti cs GmbH	Đức	Hộp/100 test (50 cards đôi)
465	XN044.009		Single Cuvette	Single Cuvette	24	1	Teco Medical Instrume nts	Đức	500 vị trí/Hộp
466	VT0834		Sonde foley 1 nhánh, các số	URETHRAL CATHETER Fr CAC SO	36	170002373/P CBA-HCM	Foyomed	Trung Quốc	Hộp 10 cái
467	VT0835		Sonde foley 2 nhánh (2 ways) các số (12 - 28)	Thông tiểu Foley 2 nhánh các số 12-28	60	200000095/P CBA-HCM	Zibo Eastmed	Trung Quốc	g/1 sợi
468	VT0836		Sonde foley 2 nhánh, các số	Sonde foley 2 nhánh, các số	60	10297256131 2	Hitec Medical Co., Ltd	Trung Quốc	Gói 1 sợi
469	XN069.067		Substrate Set II	0020968 Substrate Set II	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100ml x 2

470	XN013.022		System Calibrator	AUTOCAL H	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ- CP	Chema Diagnosti ca Di Marco Fiore	Ý	2 lọ 3ml trong hộp thuốc (10x3ml)
471	XN069.019		T4	0025258 T4	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100Test
472	XN069.035		T4 CALIBRATOR	0020358 T4 CALIBRATOR	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1mLx12
473	VT0849		Tấm lót 1,3m x 2m	Tấm lót 1,3 x2m	36	180001174/P CBA-HCM	Hưng Phát	Việt Nam	g/1 cái
474	VT0844		Tạp dề y tế 1,10m x 1,20m	Tạp dề y tế 1,1m x1,2m	36	170002343/P CBA-HCM	Hưng Phát	Việt Nam	g/20 cái
475	SP046		Test thử ma túy Tổng hợp Multi 4 Drug (Morphine - THC-MET- MDMA)/tương đương	Multi 4 Drug (Morphine-THC- MET-MDMA	24	2413-3-2017	Asure tech - FASTEP	Trung Quốc	25 Test/ Hộp
476	VT1115		Thuốc tê xịt lidocain 10%	Thuốc tê xịt lidocain 10%	24		Egis	Hungary	Chai 38gr
477	TTT21		Thùy tinh thể mềm đơn tiêu	TTT NHAN TAO Orizon SDHBPY	60	11550NK/BY T-TB-CT	Sidaphar m	Hy Lạp	Hộp 1 cái
478	TTT10		Thùy tinh thể mềm đơn tiêu không ngâm nước	Thùy tinh thể nhân tạo mềm 880UV	12	7838NK/BY T-TB-CT	USIOL INC	Mỹ	Hộp/cái
479	XN013.014		Total Bilirubin	TOTAL BILIRUBIN FL	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ- C	Chema Diagnosti ca Di Marco Fiore	Ý	5 lọ R1 56ml+ 5 lọ R2 14ml trong hộp thuốc (6*56+6*14m l)
480	XN013.015		Total Protein	TOTAL PROTEIN	29		Medicon Hellas	Hy Lạp	4X50mL + 4X50mL
481	VT1117		Trâm dừa ống tùy Reamer (đủ số)	Trâm dừa ống tùy Reamer (đủ số)	24		Mani	Việt Nam	Hộp 6 cây
482	XN013.016		Triglyceride	TRIGLYCERIDES FL	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ- CP	Chema Diagnosti ca Di Marco Fiore	Ý	5 lọ R1:50ml trong hộp thuốc (10x50ml)
483	YC515		Trocar không dao có rãnh cố định đường kính 11mm	Trocar không dao Endopath Xcel (B11LT)	60	328- 2017/PCBPL- BYT	Ethicon Endo Surgery	Mexico	hộp/ 12 cái
484	YC514		Trocar không dao có rãnh cố định đường kính 5mm	Trocar không dao Endopath Xcel( B5LT)	60	328- 2017/PCBPL- BYT	Ethicon Endo Surgery	Mexico	hộp/12 cái
485	SP049		Troponin I (Test nhanh)	Troponin I (Test Devive)	24	QLSP-0620- 13	InTec Products	Trung Quốc	40 Test/ Hộp
486	XN069.017		TSH	0025294 TSH(3G)	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100Test
487	XN069.033		TSH CALIBRATOR	0020394 TSH CALIBRATOR	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1mLx12
488	XN052.004		TSKgel GX	TSKgel GX	18	170000007/P CBLP-BYT	Tosoh	Nhật Bản	1 Hộp
489	XN069.018		TT3	0025282 TT3	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100Test
490	XN069.034		TT3 CALIBRATOR	0020382 TT3 CALIBRATOR	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	1mLx12

491	YC378		Tủ thuốc INOX	TU THUOC INOX	60		TMT	Việt Nam	Cái
492	VT0868		Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 200mm x 200m	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 200mm x 200m	36	170002850/P CBA-HCM	BMS	Việt Nam	04 cuộn/ thùng
493	VT0869		Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 250mmx200m	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 250mmx200m	36	170002850/P CBA-HCM	BMS	Việt Nam	04 cuộn/ thùng
494	VT0883		Túi đựng nước tiểu 2 lít	Túi chứa nước tiểu (2 lít)	60	180000018/P CBA-CT	Suzhou Tianping Huachan g Medical Instrume nt Co., Ltd.	Trung Quốc	Gói 1 cái
495	VT0884		Túi đựng nước tiểu 2 lít có dây treo	Túi chứa nước tiểu (2 lít có dây treo)	60	180000018/P CBA-CT	Suzhou Tianping Huachan g Medical Instrume nt Co., Ltd.	Trung Quốc	Gói 1 cái
496	VT0889		Túi máu đơn 250ml	Túi máu đơn 250ml	24		Demopho rius	Cộng hòa Séc	Gói 1 túi
497	VT0890		Túi nước tiểu 2000ml, có dây treo, có van xả tự động	Túi tiểu có dây treo TOPCARE, nặng 40gr, 2000ml	25	10195477446 0	Ningbo Greatcare	Trung Quốc	1c/ gói vô trùng
498	XN013.017		Urea/Urea nitrogen	UREA UV FL	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ- CP	Chema Diagnosti ca Di Marco Fiore	Ý	1 hộp (8*50)+ 1 hộp (4*20ml)
499	XN013.018		Uric Acid	URIC ACID T FL	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ- CP	Chema Diagnosti ca Di Marco Fiore	Ý	5*50ml
500	YC393		Val âm đạo	Val âm đạo	36		AAS	Pakistan	Gói 1 cái
501	VT0919		Vi phân liều 3 ngăn	Hộp phân liều thuốc 3 ngăn	36	180000514/P CBA-HCM	Nhật Minh	Việt Nam	Cái/túi
502	VT0920		Vi phân liều 3 ngăn (lớn)	Hộp phân liều thuốc 3 ngăn	36	180000514/P CBA-HCM	Nhật Minh	Việt Nam	Cái/túi
503	HC026		Vôi soda Bọc 4.5 kg	Vôi Soda 4,5kg	36	VD-20972-14	Hóa dược VN	Việt Nam	Can 4,5kg
504	YC397		Vòng nhận dạng bệnh nhân (người lớn)	Vòng đeo tay bệnh nhân	24	170002602/P CBA-HCM	Changzh ou operson	Trung Quốc	Hộp/50 cái
505	XN069.065		Wash concentrate	0020955 Wash concentrate	12	12050NK/BY T-TB-CT	Tosoh	Nhật Bản	100ml x 4
506	XN013.001		Wash Solution	WASH SOLUTION	24	8636NK ; NĐ: 03/2020/NĐ- CP	Diamond Diagnosti c Inc	Mỹ	5000ml

507	VT0924		Xà phòng rửa tay phẫu thuật, tẩm sát khuẩn	DERMANIOS SCRUB CHLORHEXIDINE 4% (500ML)	36	VNDP-HC- 778-08-14	Anios	Pháp	chai 500ml
508	YC400		Xe đẩy bệnh nằm	Xe đẩy bệnh nằm	24		Hoa Linh	Việt Nam	Cái
509	YC401		Xe đẩy bệnh ngồi	Xe lăn	24	190000544/P CBA-HCM	Foshan	Trung Quốc	Thùng/1 cái
510	YC402		Xe đẩy bình oxy inox	Xe đẩy bình oxy inox 6m3	24		Hoa Linh	Việt Nam	Cái
511	YC404		Xe thay băng	Xe thay băng inox 2 tầng 40x60 không hộp	24		Hoa Linh	Việt Nam	Cái
512	YC403		Xe tiêm thuốc 2 tầng có hộp	Xe tiêm thuốc 2 tầng có hộp 40x60 cm	24		Hoa Linh	Việt Nam	Cái
513	XN050.008		Xét nghiệm khí máu Các chỉ số xét nghiệm: pH, PCO2, PO2, Hct, Na+, K+, Cl-, Ca++, Glu, Lac.	Prime Calibrator Cartridge CCS Comp	18		Nova Biomedic al	Mỹ	300 test/hộp
514	XN013.019		$\alpha$ -Amylase	AMYLASE EPS FL	24	4608NK ; NĐ: 03/2020/NĐ- CP	Chema Diagnosti ca Di Marco Fiore	Ý	2 hộp (4x20ml)
<b>Tổng cộng: 514 mặt hàng</b>									

**NGƯỜI LẬP BẢNG**

**TRƯỞNG KHOA DƯỢC**

**A VIỆT NAM**  
**phúc**

**Y TẾ NĂM 2020**

**TRUNG TÂM CHÂU**

*(Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang)*

<b>ĐVT</b>	<b>Giá dự thầu (có VAT)</b>	<b>KV TÂN CHÂU</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Công ty cung ứng</b>
Chai	90,000	4	360,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
Hộp	5,314,050	2	10,628,100	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	3,375,750	2	6,751,500	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Cái	3,738	240	897,120	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT NGUYỄN LÂM
Hộp	1,086,000	4	4,344,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	4,100,250	15	61,503,750	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LƯƠNG GIA
Lọ	84,000	35	2,940,000	CÔNG TY TNHH TM KỸ THUẬT Y TẾ VẠN XUÂN
Lọ	84,000	24	2,016,000	CÔNG TY TNHH TM KỸ THUẬT Y TẾ VẠN XUÂN
Lọ	84,000	35	2,940,000	CÔNG TY TNHH TM KỸ THUẬT Y TẾ VẠN XUÂN
Lọ	135,000	30	4,050,000	CÔNG TY TNHH TM KỸ THUẬT Y TẾ VẠN XUÂN
Test	9,900	100	990,000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ
Test	13,650	1,000	13,650,000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ
Lọ	220,500	20	4,410,000	CTY TNHH TMDV HỒNG HẠNH
Hộp	420,000	1	420,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN

Hộp	1,868,000	15	28,020,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Cuộn	7,500	300	2,250,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Cuộn	10,500	300	3,150,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Cuộn	7,200	200	1,440,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Miếng	145	20,504	2,973,080	CÔNG TY TNHH SX TBYT VINH ĐỨC
Miếng	168	4,200	705,600	CÔNG TY TNHH DP ĐAN LÊ
Miếng	2,900	1,000	2,900,000	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
miếng	3,000	8,000	24,000,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Miếng	7,895	299	2,360,605	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
Miếng	3,895	200	779,000	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
Miếng	3,900	200	780,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Miếng	4,900	300	1,470,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Miếng	6,200	200	1,240,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ

Miếng	2,100	2,200	4,620,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT ĐỨC
miếng	7,500	2,000	15,000,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Cuộn	6,720	425	2,856,000	CÔNG TY TNHH TBYT EMC
Cuộn	7,800	200	1,560,000	CÔNG TY TNHH SX TBYT VINH ĐỨC
Cuộn	34,800	3,000	104,400,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỎ
Cuộn	7,850	2,001	15,707,850	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Cuộn	115,000	20	2,300,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Cái	6,500	2,000	13,000,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Cái	8,500	1,000	8,500,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Miếng	2,000	1,000	2,000,000	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
Bộ	148,000	5	740,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
Cái	56,250	2	112,500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Cái	5,565	500	2,782,500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
Cái	4,872	150	730,800	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
Đôi	1,680	4,000	6,720,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	280,000	15	4,200,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TƯỜNG
cái	430	8,000	3,440,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG PHÁT
Hộp	6,408,150	2	12,816,300	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM

Hộp	4,287,150	2	8,574,300	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Cái	58,500	5	292,500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Cái	95,000	35	3,325,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
Test	21,510	1,500	32,265,000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIÊN MỸ
Test	9,450	2,000	18,900,000	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ TÂN KIỀU
Hộp	31,930,500	1	31,930,500	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	4,983,300	2	9,966,600	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	4,465,650	2	8,931,300	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Sợi	22,000	50	1,100,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
Cái	64,995	10	649,950	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	64,995	10	649,950	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	60,800	15	912,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA
Cái	30,000	36	1,080,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Bộ	510,000	4	2,040,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	12,000	200	2,400,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Bộ	264,915	100	26,491,500	CÔNG TY TNHH SXTM HANH MINH
Bộ	279,300	50	13,965,000	CÔNG TY CP TM DV XNK VIÊN PHÁT
Cái	20,000	12	240,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Bộ	215,000	1	215,000	CÔNG TY TNHH DEKA
Bộ	10,500	1,372	14,406,000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM

Cái	816	29,148	23,784,768	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG
Cái	797	14,800	11,795,600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG
Cái	480	12,344	5,925,120	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	1,380	11,144	15,378,720	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG
Cái	480	2,160	1,036,800	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	480	21,000	10,080,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	518	1,000	518,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG
cái	4,830	500	2,415,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT NGUYỄN LÂM
Cái	2,948	228	672,144	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
Cái	2,948	200	589,600	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
Cái	10,500	500	5,250,000	CÔNG TY TNHH Y TẾ VIỆT TIẾN
Cái	5,250	3,226	16,936,500	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ TỐT
Cái	564	57,980	32,700,720	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG
Cái	559	41,150	23,002,850	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Cây	1,000	3,480	3,480,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Cái	360,000	50	18,000,000	CÔNG TY TNHH TBCN KỸ THUẬT CAO HÀ ANH ANH
Cái	195,000	100	19,500,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Cái	60,000	15	900,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Lọ	748,000	4	2,992,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	1,650,000	6	9,900,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
cái	54,600	10	546,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	55,000	5	275,000	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
Cái	52,500	5	262,500	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	55,000	10	550,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HIỆP LỢI
Cái	59,850	5	299,250	CÔNG TY TNHH TM DV KT HOÀNG LỘC
Gói	84,945	20	1,698,900	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Gói	123,900	500	61,950,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN THÀNH
Bộ	187,500	31	5,812,500	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	187,500	4	750,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Lọ	70,000	2	140,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY

Lọ	105,000	20	2,100,000	CTY TNHH TMDV HỒNG HẠNH
Hộp	1,986,000	6	11,916,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Chai	220,000	3	660,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
Cái	410,000	10	4,100,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Cây	1,550,000	5	7,750,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Cái	336,000	2	672,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ Y TẾ HOÀNG VIỆT LONG
Cây	198	1,000	198,000	CÔNG TY TNHH TBYT EMC
cái	220,000	10	2,200,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
Cái	180,000	60	10,800,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Hộp	3,412,500	12	40,950,000	CÔNG TY TNHH TMDV KT NAM THIÊN LỘC
Hộp	5,314,050	2	10,628,100	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	3,375,750	2	6,751,500	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Lọ	80,000	4	320,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Chai	840,000	3	2,520,000	CÔNG TY TNHH TMDV KT NAM THIÊN LỘC
Thùng	840,000	15	12,600,000	CÔNG TY TNHH TMDV KT NAM THIÊN LỘC
Chai	840,000	30	25,200,000	CÔNG TY TNHH TMDV KT NAM THIÊN LỘC
Tép	10,000	20	200,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Tép	10,000	4,000	40,000,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Tép	10,000	1,000	10,000,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH

Tép	10,000	2,000	20,000,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Tép	121,485	100	12,148,500	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG
Tép	6,000	5,000	30,000,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Tép	6,000	5,000	30,000,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Tép	6,000	2,000	12,000,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Tép	6,000	300	1,800,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Tép	15,900	1,000	15,900,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
Tép	60,060	100	6,006,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG

Tép	45,001	100	4,500,100	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
Tép	30,100	100	3,010,000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HADIMED
Tép	35,000	1,000	35,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN
Tép	35,000	500	17,500,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN
Tép	15,540	300	4,662,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ANH DƯƠNG
Tép	10,700	2,000	21,400,000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HADIMED
Tép	10,200	500	5,100,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN
Tép	13,200	2,324	30,676,800	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HADIMED
Tép	9,800	500	4,900,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ
Tép	9,800	1,000	9,800,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN
Tép	13,200	500	6,600,000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HADIMED
Tép	26,885	100	2,688,500	CÔNG TY TNHH DP ĐAN LÊ
Tép	35,000	2,000	70,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN
Tép	35,000	2,000	70,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN

Tép	43,885	1,000	43,885,000	CÔNG TY TNHH DP ĐAN LÊ
Tép	35,000	1,000	35,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN
Tép	35,000	1,000	35,000,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PHÚC TÍN
Tép	73,710	200	14,742,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG
Tép	73,290	300	21,987,000	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN
Tép	78,015	300	23,404,500	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ÁNH DƯƠNG
Kg	50,880	200	10,176,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cây	3,300	200	660,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA
Hộp	2,086,000	15	31,290,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Bộ	3,045,000	12	36,540,000	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	3,868,000	6	23,208,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Lọ	1	6	6	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Lọ	1	6	6	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Thùng	2,135,000	20	42,700,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
cái	30,000	100	3,000,000	CÔNG TY CP VIETMEDIC
cái	30,000	100	3,000,000	CÔNG TY CP VIETMEDIC

Hộp	65,000	4	260,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Hộp	45,000	4	180,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Hộp	48,000	4	192,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Hộp	65,000	10	650,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Tube	405,000	4	1,620,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Tube	120,000	4	480,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Lít	25,000	450	11,250,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Chai 500ml	120,000	20	2,400,000	TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM - CTCP
Lít	55,000	25	1,375,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Hộp	1,350,000	6	8,100,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Lọ	486,000	50	24,300,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Lọ	486,000	50	24,300,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Lọ	486,000	5	2,430,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Lọ	486,000	5	2,430,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	2,968,000	5	14,840,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Chai	780,000	2	1,560,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Hộp	2,200,000	15	33,000,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	6,686,000	6	40,116,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	5,989,000	8	47,912,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	420,000	45	18,900,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN

Hộp	6,286,000	2	12,572,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	3,790,500	3	11,371,500	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Cái	49,700	150	7,455,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	20,454	150	3,068,100	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HUNG PHÁT
Hộp	1,800,000	2	3,600,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Cái	66,003	200	13,200,600	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
Cây	158,550	300	47,565,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH NHI
Cây	68,000	300	20,400,000	CÔNG TY TNHH TM DV KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ ANH DUY
Chiếc	17,000,000	5	85,000,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
Cái	15,850,800	8	126,806,400	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
Cái	11,457,075	20	229,141,500	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
Cái	50	32,000	1,600,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Cái	50	2,000	100,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Chai	340,000	2	680,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Gói	583,000	2	1,166,000	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT OLYMPIC

Cái	150,000	100	15,000,000	CÔNG TY TNHH TBCN KỸ THUẬT CAO HÀ ANH ANH
Bộ	1,499,300	5	7,496,500	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA
Bộ	1,760,000	4	7,040,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ TỐT
Sợi	1,890	540	1,020,600	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT NGUYỄN LÂM
Sợi	2,700	940	2,538,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
cái	50,137,500	2	100,275,000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
Chiếc	48,667,500	5	243,337,500	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
Bộ	1,400,000	10	14,000,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
Sợi	1,890	376	710,640	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
Cái	1,650	2,000	3,300,000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
Cái	1,599	2,126	3,399,474	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
Cái	6,900	700	4,830,000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
Cái	5,385	3,340	17,985,900	CÔNG TY TNHH DP ĐAN LÊ
cái	3,900	500	1,950,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH

cái	14,900	300	4,470,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Sợi	3,450	4,027	13,893,150	CÔNG TY TNHH DP ĐAN LÊ
Cái	3,920	354	1,387,680	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
cái	9,975	20,419	203,679,525	CÔNG TY TNHH Y TẾ VIỆT TIẾN
Sợi	18,900	3,706	70,043,400	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
Cái	59,000	200	11,800,000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
Cái	11,550	350	4,042,500	CÔNG TY TNHH Y TẾ VIỆT TIẾN
Sợi	4,200	278	1,167,600	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
Sợi	10,500	364	3,822,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Hộp	13,099,800	1	13,099,800	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	4,000,500	2	8,001,000	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	4,983,300	2	9,966,600	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	17,430	140	2,440,200	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
Cái	962,500	3	2,887,500	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	550,000	4	2,200,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	550,000	4	2,200,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	750,000	10	7,500,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY

Test	40,698	100	4,069,800	CÔNG TY CỔ PHẦN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NAM HÙNG VIỆT
Test	48,900	3,000	146,700,000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIÊN MỸ
Hộp	2,428,650	5	12,143,250	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Thùng	4,750,000	22	104,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Lọ	115,500	100	11,550,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH NHI
Hộp	3,833,000	2	7,666,000	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT OLYMPIC
Hộp	3,833,000	2	7,666,000	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT OLYMPIC
Hộp	3,833,000	2	7,666,000	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT OLYMPIC
Hộp	3,833,000	2	7,666,000	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT OLYMPIC
Hộp	3,833,000	2	7,666,000	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT OLYMPIC
Hộp	3,833,000	2	7,666,000	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT OLYMPIC
Hộp	3,833,000	2	7,666,000	CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT OLYMPIC
Cái	1,365	1,000	1,365,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA
Thùng	840,000	30	25,200,000	CÔNG TY TNHH TMDV KT NAM THIÊN LỘC
Hộp	2,571,450	4	10,285,800	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	2,000,250	6	12,001,500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LƯƠNG GIA
Cái	370,000	20	7,400,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Chiếc	6,500,000	20	130,000,000	CÔNG TY CP VIETMEDIC
can	1,515,000	20	30,300,000	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ PHÚ MỸ

Chai	65,000	2	130,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Thùng	2,135,000	25	53,375,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Chai	695,000	1	695,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Chai	80,000	2	160,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Chai	840,000	25	21,000,000	CÔNG TY TNHH TMDV KT NAM THIÊN LỘC
Chai	121,000	50	6,050,000	TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM - CTCP
Chai	15,650	102	1,596,300	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ PHÚ MỸ
Chai	63,000	200	12,600,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM - DƯỢC LIỆU TRÍ NGHĨA
Chai	84,000	150	12,600,000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ LAVITEC
Chai	41,000	12	492,000	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ PHÚ MỸ
Chai	60,900	200	12,180,000	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG SÔNG HỒNG
chai	63,000	70	4,410,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM - DƯỢC LIỆU TRÍ NGHĨA
Thùng	1,365,000	3	4,095,000	TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM - CTCP
Thùng	815,000	50	40,750,000	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ PHÚ MỸ
Thùng	346,500	50	17,325,000	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ LAVITEC
Gói	15,750	50	787,500	TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM - CTCP

lọ	400,000	2	800,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	11,991,000	4	47,964,000	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Lọ	74,000	2	148,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Test	66,600	1,000	66,600,000	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ ĐỨC MINH
Chai	54,500	7	381,500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Chai	848,000	3	2,544,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Hộp	4,744,950	2	9,489,900	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	1,210,000	4	4,840,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Miếng	37,000	100	3,700,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỒ
Mét	3,234	5,100	16,493,400	CÔNG TY TNHH TBYT EMC
Miếng	522	4,500	2,349,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC
Miếng	3,646	10,000	36,460,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC
Gói	2,518	330	830,940	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ĐỨC LỘC
đôi	1,500	30,000	45,000,000	CÔNG TY TNHH IDS MEDICAL SYSTEMS VIỆT NAM
Đôi	1,050	150,000	157,500,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Đôi	1,080	20,000	21,600,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Đôi	2,814	20,000	56,280,000	CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA
Đôi	3,339	13,752	45,917,928	CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA
Đôi	10,500	3,000	31,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Tube	36,750	100	3,675,000	CÔNG TY TNHH TTB Y TẾ ĐỨC AN
Can	84,000	24	2,016,000	CÔNG TY TNHH TTB Y TẾ ĐỨC AN
Can	110,000	80	8,800,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
Hộp	6,580,000	2	13,160,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH
Hộp	4,120,200	12	49,442,400	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LƯƠNG GIA
Cái	103,000	10	1,030,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Xấp	20,000	10	200,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cuộn	25,000	203	5,075,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Cuộn	12,500	550	6,875,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Xấp	25,000	50	1,250,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Cuộn	7,700	1,200	9,240,000	CÔNG TY TNHH TTB Y TẾ ĐỨC AN
Cuộn	11,000	50	550,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Xấp	68,000	550	37,400,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HIỆP LỢI
Xấp	10,000	1	10,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Chai	928,200	1	928,200	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIMEC
Hộp	2,890,000	15	43,350,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA

Gói	111,000	800	88,800,000	CÔNG TY TNHH SXTM HẠNH MINH
Gói	3,150	1,000	3,150,000	CÔNG TY TNHH TBYT EMC
Gói	5,439	1,000	5,439,000	CÔNG TY TNHH TBYT EMC
Gói	2,100	20	42,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Gói	2,520	20	50,400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Gói	2,310	12,000	27,720,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Gói	2,730	4,000	10,920,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
gói	2,940	1,276	3,751,440	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Hộp	43,218,000	2	86,436,000	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Test	21,510	500	10,755,000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIÊN MỸ
Hộp	3,290,000	4	13,160,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH
Hộp	6,768,000	4	27,072,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	3,154,000	2	6,308,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	4,302,000	2	8,604,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Test	13,490	100	1,349,000	LD CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN LỘC & CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM PHARMA
Hộp	4,063,500	6	24,381,000	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM

Test	6,780	3,000	20,340,000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIÊN MỸ
Hộp	3,375,750	2	6,751,500	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	4,801,650	2	9,603,300	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	17,768,000	12	213,216,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	12,871,950	2	25,743,900	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	9,440,550	3	28,321,650	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	9,686,000	20	193,720,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Bộ	3,500,000	1	3,500,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Hộp	1,575,000	5	7,875,000	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	1,365,000	5	6,825,000	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
cái	36,000	10	360,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
cái	36,000	20	720,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Hộp	72,000	2	144,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	17,200	50	860,000	CÔNG TY TNHH SXTM HẠNH MINH
Cái	120,000	2	240,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Cái	580,000	4	2,320,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Cái	642,000	26	16,692,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	620,000	2	1,240,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	10,000	1,460	14,600,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY

Test	95,000	600	57,000,000	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ TÂN KIỀU
Hộp	4,744,950	2	9,489,900	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	4,983,300	2	9,966,600	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Cây	105,000	4	420,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cây	105,000	4	420,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
cái	20,000	10	200,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
cây	380,000	10	3,800,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	30,000	20	600,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Hộp	300,000	14	4,200,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
Cái	730	2,500	1,825,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HIỆP LỢI
Bộ	300,000	8	2,400,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
Cái	27,000	130	3,510,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT AN PHA
Bình	67,510	50	3,375,500	CÔNG TY TNHH OXY ĐỒNG NAI
Bình	291,500	20	5,830,000	CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN (SOVIGAZ)
Cái	4,400	660	2,904,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Sợi	3,654	276	1,008,504	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG PHÁT

Cái	4,400	500	2,200,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Cái	2,835	100	283,500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT NGUYỄN LÂM
Cái	4,515	200	903,000	CÔNG TY TNHH Y TẾ VIỆT TIẾN
Bộ	3,050	400	1,220,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Bộ	3,050	8,000	24,400,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Gói	3,050	1,000	3,050,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Cây	15,000	50	750,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Vi	12,000	50	600,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cây	15,000	1,000	15,000,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Cái	2,200	100	220,000	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
Cây	2,200	2,720	5,984,000	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
Cây	9,450	2,500	23,625,000	CÔNG TY TNHH TM DV KT HOÀNG LỘC
Cây	9,450	3,000	28,350,000	CÔNG TY TNHH TM DV KT HOÀNG LỘC
Cây	15,330	6,000	91,980,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ Y PHƯƠNG
Cái	7,800	4,000	31,200,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Cái	7,800	12,000	93,600,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Cái	5,800	12,000	69,600,000	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

Cái	105,000	4	420,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	239	120,000	28,680,000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
Cái	252	1,000	252,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT NGUYỄN LÂM
Hộp	15,000	10	150,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Hộp	37,800	10	378,000	CÔNG TY TNHH TM DV KT HOÀNG LỘC
Hộp	92,000	5	460,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Hộp	92,000	5	460,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Lọ	1,020	20,000	20,400,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Lọ	1,320	2,500	3,300,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
Cái	15,540	500	7,770,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HUNG PHÁT
Cái	13,650	1,000	13,650,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ TỐT
Cái	19,250	1,000	19,250,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA
Cái	840	10,000	8,400,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Miếng	425,000	50	21,250,000	CÔNG TY TNHH DP ĐAN LÊ
Hộp	1,800,000	12	21,600,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
cái	78,000	2	156,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN

Cái	148,000	5	740,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HIỆP LỢI
Cái	148,000	5	740,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HIỆP LỢI
Cái	27,000	10	270,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HIỆP LỢI
Cái	18,240	10	182,400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
cái	18,240	10	182,400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	27,300	10	273,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HIỆP LỢI
Cái	18,240	10	182,400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	10,500	2,200	23,100,000	CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA Y TẾ VIỆT NAM
Cái	12,810	500	6,405,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	12,390	500	6,195,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HUNG PHÁT

Cái	8,900	500	4,450,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Cái	11,000	100	1,100,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	1,400,000	20	28,000,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TƯỜNG
Bộ	480,000	55	26,400,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Bộ	490,000	14	6,860,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
cái	850,000	6	5,100,000	CÔNG TY TNHH Y TẾ BÌNH MINH
Cái	1,485,000	7	10,395,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH KHOA
Cái	850,000	4	3,400,000	CÔNG TY TNHH Y TẾ BÌNH MINH
Miếng	1,640	2,000	3,280,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	1,260	5,000	6,300,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT NGUYỄN LÂM
Cái	57,876	5	289,380	CÔNG TY TNHH TB & VT Y TẾ HOA NĂNG
cái	75,000	5	375,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
cái	75,000	5	375,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
cái	75,000	5	375,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Lọ	126,000	20	2,520,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH NHI
Mũi	73,000	10	730,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY

Mũi	38,000	10	380,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Hộp	14,406,000	2	28,812,000	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Cây	75,000	5	375,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cây	75,000	5	375,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	94,500	100	9,450,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HUNG PHÁT
Cái	110,000	100	11,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	26,000	200	5,200,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	110,000	50	5,500,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	26,000	200	5,200,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	26,000	20	520,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	64,890	100	6,489,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HUNG PHÁT
Cái	165,165	50	8,258,250	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HUNG PHÁT
Cái	9,000	200	1,800,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
cái	44,100	500	22,050,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ ETC
cái	875,000	51	44,625,000	CÔNG TY TNHH TM DV VÀ SX VIỆT TƯỜNG
cái	12,500	5	62,500	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
cái	15,000	50	750,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	82,000	30	2,460,000	CÔNG TY TNHH TB & VT Y TẾ HOA NĂNG
Cái	670	998	668,660	CÔNG TY TNHH IDS MEDICAL SYSTEMS VIỆT NAM
Lít	6,395	1,500	9,592,500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Hộp	2,968,000	4	11,872,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT

Cái	800	12,149	9,719,200	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
Ông	22,000	20	440,000	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT AN BÌNH
Cái	6,300	300	1,890,000	CÔNG TY TNHH TTB Y TẾ ĐỨC AN
Cái	52,500	340	17,850,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Gói	52,500	4	210,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
Cái	120,000	25	3,000,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Ông	945	10,000	9,450,000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ
Ông	660	30,000	19,800,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Ông	678	25,000	16,950,000	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ Y TẾ HỒNG THIỆN MỸ
Ông	363	1,000	363,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
Cái	8,996	680	6,117,280	CÔNG TY TNHH TB & VT Y TẾ HOA NĂNG
Sợi	3,650	50	182,500	CÔNG TY TNHH TB & VT Y TẾ HOA NĂNG
Hộp	120,000	5	600,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Test	9,450	1,000	9,450,000	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ TÂN KIỀU
Bình	44,495	6,000	266,970,000	CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN (SOVIGAZ)
Bình	21,450	100	2,145,000	CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN (SOVIGAZ)
Kg	29,950	1,500	44,925,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Lọ	85,000	1	85,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ LIÊN NHA

Hộp	3,500,000	10	35,000,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
cái	32,500	10	325,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
cây	572,000	20	11,440,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	40,000	10	400,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Tấm	39,500	3,700	146,150,000	LD CÔNG TY TNHH TTBYT HOÀNG PHÚC ANH & CỬA HÀNG DỤNG CỤ Y KHOA SỐ 9
Tấm	42,000	500	21,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT H.B
Tấm	18,900	20,000	378,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT H.B
Tấm	6,190	200	1,238,000	CÔNG TY TNHH TM-DV-KT – THIẾT BỊ Y TẾ AN QUỐC
Tấm	10,280	200	2,056,000	CÔNG TY TNHH TM-DV-KT – THIẾT BỊ Y TẾ AN QUỐC
Tấm	3,700	5,000	18,500,000	CÔNG TY TNHH DP QUỐC TẾ
Chai	310,800	4	1,243,200	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LƯƠNG GIA
Lọ	315,000	20	6,300,000	CTY TNHH TMDV HỒNG HẠNH
Que	1,650	10	16,500	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
Que	630	7	4,410	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THỜI THANH BÌNH
Que	4,320	1,500	6,480,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT

Que	4,000	400	1,600,000	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG
Hộp	221,500	140	31,010,000	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ PHÚ MỸ
Hộp	5,000,000	10	50,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ QUANG MINH
Hộp	4,000,000	40	160,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ QUANG MINH
Hộp	3,150,000	1	3,150,000	CTY TNHH TMDV HỒNG HẠNH
Hộp	420,000	1	420,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
Thùng	1,260,000	8	10,080,000	CÔNG TY TNHH TMDV KT NAM THIÊN LỘC
Test	36,000	2,000	72,000,000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGHĨA TÍN
Hộp	6,140,400	4	24,561,600	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Túi	1,400,000	4	5,600,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	6,140,400	4	24,561,600	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Kg	62,000	180	11,160,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Test	17,000	400	6,800,000	CÔNG TY TNHH TM KỸ THUẬT Y TẾ VẠN XUÂN
Hộp	1,470,000	30	44,100,000	CTY TNHH TMDV HỒNG HẠNH
Sợi	6,880	50	344,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Sợi	7,875	4,000	31,500,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG PHÁT
Sợi	8,000	2,728	21,824,000	LIÊN DANH NHÀ THẦU BÌNH MINH
Hộp	3,772,650	4	15,090,600	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM

Lọ	500,000	24	12,000,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	5,899,950	2	11,799,900	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	4,983,300	2	9,966,600	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Cái	5,145	500	2,572,500	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG PHÁT
cái	2,520	4,500	11,340,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HÙNG PHÁT
Hộp	39,940	900	35,946,000	LD CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN LỘC & CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM PHARMA
Chai	195,000	14	2,730,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
cái	2,800,000	100	280,000,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cái	2,496,000	1,000	2,496,000,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ T.D
Hộp	1,868,000	3	5,604,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	1,800,750	2	3,601,500	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LƯƠNG GIA
Hộp	75,000	5	375,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Hộp	2,168,000	15	32,520,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Cái	2,752,355	5	13,761,775	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
Cái	2,752,355	5	13,761,775	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM LONG GIANG
Test	34,890	3,000	104,670,000	LD CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN LỘC & CÔNG TY TNHH ĐÔNG NAM PHARMA
Hộp	6,363,000	2	12,726,000	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	4,983,300	2	9,966,600	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	34,620,300	1	34,620,300	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	5,899,950	2	11,799,900	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Hộp	4,983,300	2	9,966,600	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM

Cái	3,450,000	5	17,250,000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA
Cuộn	495,000	90	44,550,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
Cuộn	590,000	30	17,700,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BMS
Cái	3,570	1,000	3,570,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HIỆP LỢI
Cái	3,730	1,792	6,684,160	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT HIỆP LỢI
Túi	31,920	150	4,788,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	6,825	1,600	10,920,000	CÔNG TY TNHH TM DV KT HOÀNG LỘC
Hộp	4,868,000	12	58,416,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Hộp	2,098,000	10	20,980,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
Cái	300,000	8	2,400,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	3,402	3,700	12,587,400	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
Cái	3,402	1,000	3,402,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NHẬT MINH
Kg	120,000	15	1,800,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Cái	1,400	300	420,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Hộp	2,571,450	4	10,285,800	CÔNG TY TNHH TBYT THIÊN NAM
Bình	3,500,000	15	52,500,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT

Chai	121,000	200	24,200,000	TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM - CTCP
cái	2,750,000	3	8,250,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
cái	1,348,000	3	4,044,000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VŨ THUẬN
Chiếc	1,200,000	3	3,600,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Cái	750,000	50	37,500,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
cái	980,000	10	9,800,000	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ MIỀN TÂY
Test	114,000	600	68,400,000	CÔNG TY TNHH ĐIỆN DƯƠNG
Hộp	3,868,000	8	30,944,000	CÔNG TY TNHH TM HỢP NHẤT
			11,775,426,760	

**GIÁM ĐỐC**